

See discussions, stats, and author profiles for this publication at: <https://www.researchgate.net/publication/358235676>

Tương tượng – Dạy và Học số 43

Preprint · January 2022

DOI: 10.13140/RG.2.2.11160.06407

CITATIONS

0

READS

168

6 authors, including:



Tung Ngo T.T

Viet Nam National Institute for Education Sciences

9 PUBLICATIONS 0 CITATIONS

[SEE PROFILE](#)



Chi Linh Nguyen

EdLab Asia

50 PUBLICATIONS 76 CITATIONS

[SEE PROFILE](#)

Some of the authors of this publication are also working on these related projects:



COVID-19 Educational Research [View project](#)



Educational Literacy [View project](#)

Day & học

Số 43 - tháng 1 | 2022

TƯỜNG TƯỢNG



**NĂM CÁCH ĐỂ HỌC SINH CHÚ Ý VÀO
KIẾN THỨC THAY VÌ ĐIỂM SỐ**

**COVID-19 ĐANG THỨC ĐẨY
CÁC CẢI CÁCH GIÁO DỤC**

**GIÁO DỤC VÀ SỰ BẤT BÌNH ĐẲNG
TRONG NĂM 2021: LÀM THẾ NÀO ĐỂ
THAY ĐỔI HỆ THỐNG?**

**MƯỜI NGHIÊN CỨU GIÁO DỤC CÓ
Ý NGHĨA NHẤT NĂM 2021**

Số 43: Tưởng tượng

Dạy thế nào

DẠY TRẺ CÁCH YÊU KHOA HỌC..... 06

Duy Vũ dịch

SỬ DỤNG HOẠT ĐỘNG VẼ

TRONG ĐÁNH GIÁ QUÁ TRÌNH 11

LISA dịch

NĂM CÁCH ĐỂ HỌC SINH CHÚ Ý VÀO KIẾN THỨC

THAY VÌ ĐIỂM SỐ..... 14

Duy Vũ dịch

Quản lí giáo dục

HỖ TRỢ HỌC SINH KHI TRƯỜNG HỌC

MỞ CỬA LẠI 17

LISA dịch

COVID-19 ĐANG THÚC ĐẨY

CÁC CẢI CÁCH GIÁO DỤC 21

MinhTrang lược dịch

BẤT BÌNH ĐẲNG GIÁO DỤC THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ
Ở ANH QUỐC GIA TĂNG MẠNH SAU 30 NĂM 25

Ngô Thị Thanh Tùng dịch

GIÁO DỤC VÀ SỰ BẤT BÌNH ĐẲNG TRONG NĂM
2021: LÀM THẾ NÀO ĐỂ THAY ĐỔI HỆ THỐNG? .. 28

Vũ Như dịch

MƯỜI NGHIÊN CỨU GIÁO DỤC CÓ Ý NGHĨA
NHẤT NĂM 2021 31

LISA dịch

Thẻ lệ gửi bài:

Quý thầy cô, anh chị có nội dung liên quan tới **Dạy và Học** muốn chia sẻ tới cộng đồng, xin vui lòng gửi về Ban Biên tập Lộn xộn qua email bientap@day-hoc.org

Cuối bài viết, tác giả xin vui lòng giới thiệu vài nét về bản thân: Họ tên, nơi công tác, địa chỉ liên lạc, số điện thoại, các chủ đề nghiên cứu yêu thích...

Do thời gian và nhân sự có hạn, Ban Biên tập xin phép chỉ liên hệ với các bài viết được chọn đăng.

Tinh thần 4.0

Ban Biên tập và quý thầy cô, anh chị gửi bài cộng tác đều chia sẻ tinh thần 4.0, tức là:

- 0 lương
- 0 văn phòng
- 0 chuyên môn cao
- 0 giới hạn không gian - thời gian

Địa chỉ gửi bài:

Bientap@day-hoc.org

Chia sẻ:

Quý thầy cô, anh chị cảm thấy nội dung **Dạy và Học** có ích, xin vui lòng chia sẻ tới bất kỳ những ai quan tâm, kèm theo trích dẫn nguyên vẹn và đầy đủ về nguồn gốc bài viết.

Mọi người nói về **Dạy & Học**



“**Dạy&Học** giống như một nguồn dinh dưỡng quý báu cho những ai quan tâm tới giáo dục, bất kể trong bối cảnh gia đình, nhà trường, hay xã hội.”

- Th.S Ngô Huy Tâm

Lời tựa

Quý độc giả thân mến,

“COVID-19 đang thúc đẩy các cải cách giáo dục” là một tựa đề nằm trong Dạy&Học số 43 lần này. Không chỉ là vì cuộc chiến với virus còn gian nan và thế giới khó có thể quay về thời kì trước khi đại dịch diễn ra, mà còn bởi vì chúng ta hiểu được rằng một hệ thống có vấn đề chính là một trong những yếu tố kéo dài đại dịch, thậm chí là yếu tố kích thích những họa nạn tương tự trong tương lai.

“Tất cả mọi thay đổi bền vững và có ý nghĩa đều bắt đầu từ trí tưởng tượng của bạn” - mượn câu nói nổi tiếng được cho là của nhà vật lý lý thuyết Albert Einstein, BBT Lộn Xộn xin gửi tới quý độc giả số cuối cùng của năm Tân Sửu với tựa đề “Tưởng tượng”.

Mở đầu chuyên mục Dạy thế nào là **“Dạy trẻ cách yêu khoa học”**, lời tâm sự của một nhà giáo kỳ cựu về cách cô sử dụng học tập dựa trên dự án để thúc đẩy lòng yêu thích khoa học ở những học sinh của mình. Hai bài viết tiếp theo của chuyên mục này với tựa đề lần lượt là **“Sử dụng hoạt động vẽ trong đánh giá quá trình”**, **“Năm cách để học sinh chú ý vào kiến thức thay vì điểm số”** hướng tới việc chuẩn bị cho học sinh tưởng tượng về một viễn cảnh mới mà ở đó các bài kiểm tra truyền thống không còn là thứ độc tôn quyết định thành tích học tập của chúng.

Với kế hoạch mở cửa lại trường học sau kỳ nghỉ Tết, **“Hỗ trợ học sinh khi trường học mở cửa lại”** gợi ý một số việc giáo viên có thể làm để cuộc chuyển giao này bớt khó khăn. Cuộc tấn công của virus corona đã làm lộ ra vô số những yếu điểm của các hệ thống giáo dục trên toàn thế giới, trong đó đáng chú ý nhất là tình trạng bất bình đẳng nghiêm trọng ở nhiều khu vực. **“Bất bình đẳng giáo dục về khu vực địa lý ở Anh quốc gia tăng mạnh sau 30 năm”** là một trong hàng ngàn báo cáo về tính đáng báo động của tình trạng này. Cùng với **“Covid-19 đang thúc đẩy các cải cách giáo dục”**, bài viết **“Giáo dục và sự bất bình đẳng trong năm 2021: Làm thế nào để thay đổi hệ thống?”** là một bàn luận đi xa hơn những báo cáo trên khi dám tưởng tượng tới một tương lai giảm thiểu được những khoảng cách đó. Cuối cùng, **“Mười nghiên cứu giáo dục có ý nghĩa nhất năm 2021”** là một tóm tắt ngắn gọn những kết quả đáng chú ý về giáo dục 2021 từ góc độ khoa học.

Xin chúc Quý vị có những khoảng thời gian thú vị.

Trân trọng,

Ban Biên tập Lộn Xộn





DẠY TRẺ CÁCH YÊU KHOA HỌC

Kristina Rizga¹ | Duy Vũ dịch

mình, nơi mà họ luôn có cảm giác quen thuộc và lòng tự hào sâu sắc.

Cô Deborah Cornelison rất vui mừng khi thấy xã hội Hoa Kỳ đã đặt giáo dục khoa học lên một vị trí cao hơn. Trong thập kỷ trước, các quan chức chính phủ, các lãnh đạo doanh nghiệp và những nhà giáo đã tranh luận về việc đào tạo khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán có nên trở thành ưu tiên của quốc gia hay không - bởi vì nó giúp học sinh tăng cơ hội việc làm ở những tập đoàn lớn trên thế giới như Google hoặc Tesla và có thể gia nhập vào nền kinh tế thế giới. Nhưng cô Cornelison nói với tôi, việc đề cập đến cạnh tranh kinh tế toàn cầu thường không được hưởng ứng lắm ở những vùng nông thôn, chẳng hạn như ở quê nhà của cô, hạt Ada, Oklahoma. Một số học sinh ở vùng quê không muốn rời khỏi thị trấn nhỏ của

Cô Cornelison, một cựu giáo viên môn khoa học đã có 26 năm giảng dạy tại một trường cấp 3 trước khi chuyển tới làm việc tại Sở Giáo dục Oklahoma, đã thiết kế các giờ học của cô theo cách có thể giúp các học sinh không cho rằng lợi ích đầu tiên của việc học là kiếm được một công việc, đầu một trường đại học danh giá hay chỉ đơn giản là chẳng có ý định theo đuổi sự nghiệp khoa học tham gia tích cực hơn vào bài học. Khi tôi dành một tuần với Cornelison vào tháng 3 năm 2018, cô đã giải thích cách cô cho học sinh của mình thấy được sự hấp dẫn của khoa học, trong đó có phương pháp sử dụng các dự án khoa học để cải thiện cuộc sống xung quanh các em.

¹ Nguồn: <https://www.theatlantic.com/education/archive/2020/09/teaching-how-teach-high-school-science/616186/>

Bản ghi lại cuộc phỏng vấn dưới đây đã được tinh chỉnh cho ngắn gọn và rõ ràng hơn.

Kristina Rizga: Cô đã được nhận những giải thưởng cấp quốc gia về giảng dạy, đặc biệt với phương pháp học tập qua dự án (project-based learning). Cô có thể mô tả cách nó được ứng dụng trong lớp học không

Deborah Cornelison: Tất cả các dự án do học sinh của tôi thực hiện - cho dù là dự nhóm hay dự án cá nhân - luôn đặt trọng tâm vào việc xác định các vấn đề thực xảy ra trong cộng đồng của các em, chúng sẽ tự mình tập hợp dữ liệu cần thiết, tiến hành thí nghiệm, khảo sát, sau đó tìm kiếm giải pháp. Cách giảng dạy của tôi đã thay đổi rất nhiều kể từ khi tôi bắt đầu công việc vào năm 1988. Tôi luôn muốn những buổi thực hành trong lớp tiến xa hơn việc chỉ thí nghiệm theo hướng dẫn, khi mà học sinh được yêu cầu phải tuân theo những chỉ dẫn vốn đã ghi sẵn cần phải làm những gì và cần phải chứng minh điều gì trong sách giáo khoa. Tôi muốn các em học được những kỹ năng có thể giúp chúng thành công hơn trong công việc và cuộc sống tương lai, như là tìm tòi, khám phá, hợp tác giải quyết vấn đề và tư duy phản biện,.

Tôi sẽ lấy ví dụ về một dự án đo nồng độ CO₂ trong các lớp học của một nhóm học sinh lớp 9 trường THCS Byung. Đầu tiên, các em đã thực hiện việc đo đạc trong hầu hết các lớp học của tòa nhà, và tìm ra rằng nồng độ CO₂ ở một số nơi cao hơn rất nhiều so với nồng độ tiêu chuẩn - đặc biệt ở các lớp học đông học sinh sau bữa trưa. Các em đã phân tích bản thiết kế của tòa nhà và thảo luận về kết quả cuộc điều tra với người phụ trách việc bảo trì hệ thống sưởi, thông gió và điều hòa không khí của tòa nhà. Cùng nhau, họ đưa ra kết luận sơ bộ rằng nồng độ CO₂ có thể phụ thuộc vào lượng không khí sạch được đưa vào phòng học. Vì việc sưởi hay làm lạnh không khí mới liên tục sẽ tiêu tốn nhiều chi phí và điện năng, nên

đôi khi hệ thống tự động điều chỉnh xuống chế độ tiết kiệm, khiến cho không khí không được làm mới và tuần hoàn. Nhận ra vấn đề đó, lượng không khí sạch sau đó đã được đưa vào lớp học nhiều hơn để cải thiện chất lượng không khí, và kết quả kiểm tra nồng độ CO₂ sau đó đã đạt mức khuyến nghị.

Một dự án về các loại thực phẩm tốt cho sức khỏe của một nhóm học sinh khác đã “lập công” đưa quầy salad trở lại căng-tin. Các em bắt đầu bằng việc khảo sát lựa chọn bữa trưa và nhu cầu thay đổi (nếu có) của các học sinh. Nhóm phỏng vấn nhân viên căng-tin để có thêm những bằng chứng xác thực. Bên cạnh đó, các em cũng tham khảo ý kiến từ các chuyên gia, phân tích dữ liệu, và soạn một bài thuyết trình về các thói quen ăn uống tốt cho sức khỏe - sau đó được dùng để “dạy” lại cho các bạn khác. Khâu cuối cùng là trình bày kết quả nghiên cứu của mình cho quản lý nhà trường.

Một dự án khác nghiên cứu về tác hại của việc thiếu ngủ trên n thiếu niên. Nhóm học sinh thực hiện dự án đã thu thập nhật ký giấc ngủ trong hai tuần của tất cả các bạn cùng lớp. Cùng lúc, các em tìm hiểu về tầm quan trọng của việc ngủ đủ giấc và các thói quen giúp cải thiện giấc ngủ, như là thức dậy vào một giờ cố định mỗi ngày, hạn chế sử dụng thiết bị điện tử trước khi ngủ, và tăng cường tập thể dục. Từ số liệu thu thập được, các em làm một bài thuyết trình trước Hội đồng nhà trường, sau đó sử dụng chúng làm công cụ tuyên truyền về tầm quan trọng của việc ngủ đủ giấc. Kết quả thu được rất tích cực khi trong khảo sát sau nghiên cứu, 90% học sinh toàn trường khẳng định thói quen ngủ nghỉ của mình đã được cải thiện.

Đôi khi, các dự án của học sinh còn có thể thay đổi chính sách của cả một tiểu bang: một trong số đó là dự án xây dựng và phát triển các phương án ứng phó với những tình huống khẩn cấp tại

trường học (school-emergency plans), như buổi diễn tập phong tỏa trường hằng năm (yearly lockdown drills). Tiểu bang đã dựa vào kết quả nghiên cứu này để nhân rộng việc thực hiện các phương án tương tự trên tại tất cả các trường học vào năm 2007.

Rizga: Ý định của cô là tận dụng các lớp khoa học để truyền tải thông điệp về sự tham gia của công dân phải không?

Cornelison: Tôi luôn muốn tìm ra những phương pháp để học sinh thấy khoa học có thể giúp chúng ta giải quyết các vấn đề toàn cầu ở cấp độ địa phương như thế nào, và cho phép học sinh có thể trải nghiệm cảm giác làm chủ. Đó hẳn sẽ trở thành một nguồn động lực lớn cho những thanh thiếu niên trẻ tuổi.

Rizga: Cô luôn trao cho học sinh quyền tự do lựa chọn đề tài dự án có phải em hay nhóm nào cũng biết mình muốn nghiên cứu về chủ đề hay vấn đề nào không?

Cornelison: Dĩ nhiên là không. Đó là lúc chúng cần đến sự đồng hành của tôi. Tôi giúp các em lựa chọn đề tài bằng cách khuyến khích các em đọc thêm tin tức, đồng thời, tìm kiếm các vấn đề chúng hứng thú tìm hiểu và khai thác. Kể từ khi bắt đầu đi dạy, tôi đã giữ thói quen lưu lại các tập tài liệu về nhiều chủ đề khác nhau mà học sinh có thể sẽ hứng thú, bao gồm các bài báo hay bài viết được cắt ra từ báo hoặc tạp chí. Bằng việc thực hiện một vài nghiên cứu nhỏ, đọc, và thảo luận đa dạng các đề tài, chúng tôi, sau cùng, luôn chọn được một chủ đề ý nghĩa.

Rizga: So với cách tiếp cận truyền thống (thông qua bài giảng và vài lần lên phòng thí nghiệm), phương pháp này giúp các em bồi dưỡng thêm những kỹ nào?

Cornelison: Học sinh vẫn được học về lý thuyết

và quy trình nghiên cứu. Tuy nhiên, với cách học này, các em sẽ tích lũy thêm được cho mình những kỹ năng khác có ích trong cuộc sống, như làm việc nhóm, phân chia công việc, giải quyết vấn đề, quản lý thời gian, lên kế hoạch, truyền đạt ý tưởng cho người khác, và hợp tác với những thành viên khác trong cộng đồng nhằm hiện thực hóa các giải pháp tích cực đã tìm ra. Các em cũng được học cách đối mặt với khó khăn và sự bối rối trong việc vạch ra con đường cho chính mình; học được cách tìm kiếm sự hỗ trợ và giúp đỡ người khác. Ngoài ra, kỹ năng phân tích và khả năng vận dụng linh hoạt các kỹ năng có được của học sinh cũng được cải thiện.

Các em cũng sẽ trở thành những cây viết giỏi bởi yêu cầu về việc giải thích cùng phân tích những gì mình làm một cách mạch lạc và rõ ràng. Sự thật là, đa số sự hỗ trợ và cá nhân hóa trong giảng dạy xảy ra trong khi viết, như tôi luôn giúp học sinh nhận ra ý nghĩa của dự án các em đang thực hiện: Em tìm được những gì? Chúng có ý nghĩa gì? Tại sao chúng lại quan trọng? Tôi luôn muốn nhìn thấy quá trình tư duy của các em, đó cũng là cách tôi xây dựng mối quan hệ với học sinh của mình. Và gần như trở thành sự kiện hằng năm, các em mất hàng tuần luyện tập trước khi chính thức trình bày kết quả nghiên cứu của mình trước bạn học hoặc trước Hội đồng trường, hoặc trong buổi họp mặt phụ huynh hay tại các sự kiện STEM cấp quốc gia. Việc thuyết trình thực sự giúp củng cố nền tảng và gia tăng động lực của các em.

Tôi tin rằng, sau tất cả những khó khăn, giá trị của các dự án nằm ở việc học sinh cảm nhận được cảm giác làm chủ. Dữ liệu của các em. Công sức và thành quả đều là của các em. Đó thực sự là niềm tự hào của chúng. Hầu hết học sinh chia sẻ với tôi rằng những dự án thế này chính là điểm sáng, là kỷ niệm các em không bao giờ quên khi rời THPT.

Rizga: Theo thời gian, cách dạy của cô đã thay đổi thế nào?

Cornelison: Tôi thường bắt đầu lớp học theo cách mà tôi trước đây được dạy: giảng lý thuyết, sau đó thực hành. Học sinh chỉ cần làm theo hướng dẫn để ra được các kết luận có sẵn trong sách. Sau đó giờ học sẽ phát triển theo một vài phương hướng khác nhau, thường là bắt đầu khi học sinh tìm ra một thứ gì đó mới và thảo luận với nhau về chúng. Như vậy, thay vì chỉ chú ý vào việc câu trả lời đúng hay sai - điều quan trọng trong khoa học, các em còn được nói lên suy nghĩ của chính mình. Như thế có nghĩa là các em học được cách chuyển câu trả lời từ các câu hỏi đóng hay phản hồi nội dung quan các câu hỏi có thể khai thác những khía cạnh sâu hơn của vấn đề như là “*Cô giải thích kỹ hơn được không ạ?*” hay là “*Điều đó thì có nghĩa gì?*”.

Qua thời gian, tôi cũng học được cách ưu tiên đưa ra các nhận xét khuyến khích học trò thể hiện suy nghĩ của mình, và giải quyết hiểu lầm của các em về bài học. Sau khi giảng dạy cùng một lý thuyết từ năm này qua năm khác, bạn sẽ học được cách chủ động chỉ ra những cách hiểu sai về bài học trước cả khi học sinh thể hiện suy nghĩ của mình - và bạn cũng hiểu rằng đôi khi lý thuyết cũng cần được hiểu bằng nhiều cách khác nhau trước khi học sinh chạm tới chiều sâu tri thức. Sự phát triển này gắn chặt với việc phát triển chuyên môn của bản thân, bởi vì bạn càng cố gắng nâng cao hiệu quả giảng dạy thông qua việc thực hành giảng dạy dựa trên cơ sở khoa học và nhìn ra được những dấu hiệu của sự học, bạn càng linh hoạt hơn trong cách ứng dụng chúng vào bài giảng của mình.

Rizga: Cách phát triển chuyên môn nào đã giúp cô nhiều nhất?

Cornelison: Những giáo viên thường nghĩ rằng phát triển chuyên môn là việc trường học bắt

buộc họ phải làm - nhưng với tôi, phát triển chuyên môn là cách giúp bản thân giải quyết các vấn đề xảy ra trong lớp học của mình. Hầu hết đều thông qua học tập không chính thức, như hợp tác và tự đánh giá với đồng nghiệp về các đề tài nghiên cứu khoa học thành công và cách chúng tôi có thể cải thiện chúng. Và gần như mỗi năm, tôi đều tham dự hội nghị của Hiệp hội Sư phạm Khoa học Quốc gia (National Science Teaching Association), nơi tôi có thể học hỏi được nhiều ý tưởng đột phá cùng các công cụ giảng dạy mới, như phòng thí nghiệm ảo hoặc trò chơi giúp học sinh ôn lại các khái niệm. Tôi cũng đã nhận Chứng nhận Hội đồng Quốc gia (National Board Certification) vào năm 1998. Kỹ năng của tôi được cải thiện rất nhiều từ đây.

Rizga: Cô đã hợp tác với những đồng nghiệp của mình thế nào để đạt được hiệu quả cao nhất?

Cornelison: Tôi nghĩ sẽ rất hữu ích nếu giáo viên dự khán các lớp học của nhau và thảo luận về những gì mình quan sát được, sau đó, áp dụng vào chính lớp học của mình. Đồng thời, hãy chú ý vào hoạt động của học sinh: Mình có thể biết được điều gì từ hành động của học sinh? Thái độ của học sinh chính là thước đo sự nghiêm khắc của giáo viên trong lớp học.

Rizga: Điều gì khiến cô gắn bó với nghề giáo suốt 26 năm qua?

Cornelison: Lớp học của tôi không phải là một lớp luyện thi nên tôi có thể tự do thử nghiệm các sáng kiến mới. Ở trường, chúng tôi không bao giờ đặt quá nặng vào việc ôn thi. Nếu tôi ở trong một ngôi trường mà bản thân bị gán nặng luyện thi đè nặng, sẽ cực kỳ khó cho tôi dung hòa trách nhiệm đó với niềm tin của mình về việc giảng dạy hiệu quả. Cách tôi làm luôn dựa vào những quy chuẩn, và học trò của tôi sẽ luôn nhìn thấy được cách những quy chuẩn khoa học đó được ứng dụng trong đời sống hằng ngày của các em.

Rizga: Kinh nghiệm giảng dạy có quan trọng không?

Cornelison: Nếu một giáo viên luôn học hỏi trong 20 năm, họ sẽ biết lượng kiến thức tích lũy trong 20 năm đó lớn hơn trong 5 năm thế nào. Một giáo viên nhiều kinh nghiệm hơn, tôi tin rằng, sẽ có lượng kiến thức sâu hơn và rộng hơn về lý thuyết sư phạm và có được góc nhìn tốt hơn về những gì hiệu quả và không hiệu quả với từng đối tượng học sinh khác nhau. Một giáo viên lớn tuổi sẽ già dặn hơn và có nhiều kinh nghiệm sống hơn, bao gồm cả kinh nghiệm làm phụ huynh. Điều này giúp họ hiểu hơn các học sinh của mình. Và những giáo viên có thâm niên hẳn cũng sẽ có mạng lưới đồng nghiệp rộng lớn hơn.

Rizga: Cô sẽ làm gì để giờ làm việc của mình hiệu quả hơn?

Cornelison: Tôi dành nhiều thời gian soạn bài giúp không chỉ bài giảng mà việc trao đổi với đồng nghiệp cũng hiệu quả hơn. Đa số những tiết học của chúng tôi kéo dài khoảng 45 phút, nhưng sự hợp tác giữa những nhóm giáo viên có thể tạo nên môi trường học liên môn và khiến tiết học dài hơn và giảm số lớp học sinh phải tham gia đi. Tuy vậy, thực tế là chúng tôi đã không hợp tác nhiều.

Rizga: Những giá trị cô luôn cố gắng đưa vào lớp học?

Cornelison: Tôi luôn cố gắng thể hiện sự chân thật của bản thân nhiều nhất có thể. Tôi muốn học sinh mình biết rằng tôi cũng như các em, tôi chỉ đặc biệt hơn ở chỗ tôi được nhìn nhận dưới tư cách người truyền thụ kiến thức. Tôi muốn các em biết rằng tôi cũng từng phạm phải rất nhiều sai lầm, thành công của tôi đến từ việc học hỏi từ những người xung quanh và sự giúp đỡ của mọi người. Tôi muốn học sinh của mình biết rằng tôi luôn cố vũ các em khám phá dựa trên sở thích và mối quan tâm của chính chúng. Tôi đánh giá cao nỗ lực và cố gắng của từng cá nhân để trở thành một người lao động liêm chính. Tôi luôn đề cao sự công bằng. Tôi quan tâm nhưng không phải đồng môn của các em. Tuy vui vẻ cười đùa cùng nhau, nhưng tôi là một người trưởng thành và cần giữ được tác phong nghiêm túc trong lớp học.



SỬ DỤNG HOẠT ĐỘNG VẼ TRONG ĐÁNH GIÁ QUÁ TRÌNH

Shveta Miller¹ | LISA dịch

Yêu cầu học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông phác thảo những điều mà các em đã được học có thể giúp giáo viên hiểu rõ hơn về những khía cạnh các em đã hiểu và chưa hiểu.

Đánh giá quá trình, được thực hiện thường xuyên sau khi dạy các ý chính trong bài học, là cánh cửa giúp giáo viên nhìn được những điều học sinh còn hiểu sai hoặc còn thắc mắc về một khái niệm hoặc chủ đề nào đó. Việc yêu cầu học sinh xử lý và thể hiện sự hiểu biết của mình bằng hình vẽ cung cấp cho giáo viên những thông tin đáng kinh ngạc để định hướng những bước giảng dạy cần thực hiện tiếp theo.

Yêu cầu học sinh vẽ những gì các em đã học

Vẽ trong khi học cho phép chúng ta nắm bắt một khái niệm, hình ảnh, sự kiện hoặc đối tượng và giải phóng không gian nhận thức để chúng ta có thể bắt đầu suy nghĩ một cách có phản biện. Nếu tôi nhanh chóng phác thảo một vài nhân vật từ một cuốn tiểu thuyết với một chi tiết nhỏ nhưng quan trọng để phân biệt từng nhân vật, cùng với những mũi tên để mô tả mối quan hệ giữa họ qua

các thế hệ, thì bây giờ tôi có thể suy nghĩ kỹ càng về những mối quan hệ đó, về cách mà các nhân vật ảnh hưởng đến nhau và cách mà họ phát triển xuyên suốt câu chuyện. Tương tự, nếu tôi phác thảo một cách đại khái các yếu tố của một quy trình khoa học, tôi có thể bắt đầu suy nghĩ về chức năng và cách chúng tích hợp để vận hành. Vẽ khi học đòi hỏi chúng ta phải tư duy trừu tượng và có lối suy nghĩ ẩn dụ về mặt nội dung, điều này giúp chúng ta lưu trữ và hiểu nó theo những cách tinh vi hơn. Một học sinh vẽ khi học sẽ cân nhắc những điều sau:

- Mình nên thể hiện mối quan hệ giữa các phần này như thế nào?
- Mình nên vẽ những phần này lớn/nhỏ đến mức nào?
- Chúng nên có hình dạng gì?
- Mình nên đặt những phần này ở đâu?

Bởi vì học sinh đưa ra nhiều quyết định khi các em chuyển nội dung thành hình ảnh nên giáo viên có thể khám phá các định kiến, quan niệm sai lầm của các em, mức độ hiểu biết và hứng thú của mỗi em về nội dung đó.

Coi việc xây dựng sự tự tin khi vẽ như một công cụ học tập

Vẽ có những lợi ích học tập đáng kể và điều quan

¹ <https://www.edutopia.org/article/using-drawings-formative-assessment>

trọng là phải tích hợp nó vào trải nghiệm học tập đầy đủ. Chúng ta có thể trang bị cho học sinh những công cụ cơ bản để trở nên tự tin trong việc vẽ và cho phép các em sử dụng nhiều phương pháp khác nhau để xử lý và thể hiện tư duy của mình. Chúng ta có thể khơi dậy sự quan tâm đến một chủ đề bằng cách đưa ra nhiều phương thức học tập. Ngoài ra, việc tận dụng tư duy trực quan sẽ thu hút các kỹ năng đa dạng của học sinh.

Học sinh không cần có kỹ năng nghệ thuật giỏi để trải nghiệm những lợi ích nhận thức của việc vẽ khi học. Tuy nhiên, giáo viên cũng cần chú ý xoa dịu các lo lắng và giải thích những lầm tưởng về việc học tập dựa trên hình ảnh.

1. Để học sinh tự lựa chọn giữa việc vẽ và các phương pháp khác để thể hiện việc học của mình.
2. Đưa ra một mô hình bản vẽ mẫu. Thay thế ngôn ngữ tư duy cố định như “Tôi không thể vẽ” bằng lời tường thuật mô tả quá trình như: “Tôi muốn chứng tỏ rằng các yếu tố này phụ thuộc vào nhau, vì vậy tôi sẽ vẽ các hộp này xếp chồng lên nhau.”

Chuỗi bài học của Dan Santa #DrawLikeAKid² (Vẽ như một đứa trẻ) trình bày cách vẽ rất nhiều thứ chỉ với một vài khối hình đơn giản và các chữ cái.

3. Nhắc nhở học sinh suy ngẫm về kinh nghiệm của chúng qua các bức vẽ để các em bắt đầu coi nó như một công cụ học tập hữu ích.
- Mình có thể nhớ được kỹ đến mức nào sau khi thể hiện kiến thức qua bản vẽ của mình?
 - Khi nào thì mình nên vẽ, khi nào không?

Sử dụng bản vẽ của học sinh để giảng dạy

Phản hồi mà chúng ta cung cấp cho học sinh về các bản vẽ và lựa chọn mà chúng ta đưa ra tiếp theo cũng quan trọng như chính bản vẽ vậy.

Học sinh bắt chước các biệt ngữ hoặc từ vựng mà

các em đọc hoặc nghe, điều này có thể che khuất những gì các em thực sự hiểu. Là một phương pháp đánh giá quá trình, giao tiếp bằng lời có thể có vấn đề vì giáo viên có thể khó nắm bắt những gì học sinh thực sự hiểu. Khi học sinh vẽ lúc các em giải thích, sẽ rất khó để giấu đi những phần tối trong kiến thức của các em. Những hiểu lầm rõ ràng, cùng với những sai lầm nhỏ hơn có thể ẩn giấu trong các bức vẽ của học sinh.

Dưới đây là một số cách để tích hợp bản vẽ vào đánh giá quá trình:

- Biểu tượng đường kẻ màu: Vẽ đường thẳng, chọn màu hoặc chọn biểu tượng để thể hiện những hiểu biết hiện tại của bạn về khái niệm bạn đang học. Hãy chuẩn bị để giải thích lại dựa trên bản vẽ ấy.
- Vẽ một hình ảnh đại diện (ví dụ cho lực hấp dẫn, cách cấu trúc một bài văn nghị luận, mối quan hệ giữa nhân vật chính và nhân vật phản diện, hệ thống limbic).
- Chỉ sử dụng các hình đơn giản (hình tròn, vuông, tam giác) để biểu diễn các mối quan hệ (giữa các ký tự, nguyên tắc, sự kiện, định luật, khái niệm toán học).
- Tạo một tác phẩm truyện tranh/nghệ thuật tuần tự để đại diện cho một hệ thống nào đó, để chốt lại các yếu tố chính của một câu chuyện hoặc sự kiện, hoặc để sắp xếp các bước thiết yếu của một quy trình và thể hiện mối quan hệ nguyên nhân - kết quả.

Để sử dụng hiệu quả các bức vẽ của học sinh để làm dữ liệu đánh giá quá trình, hãy xem xét những điều sau khi bạn kiểm tra những bức vẽ đó:

- Những sự kiện, mối quan hệ, trình tự,... nào học sinh đã hiểu được?
- Những yếu tố chính nào đã bị bỏ qua?
- Những yếu tố nào bị trình bày sai?
- Những yếu tố, mối quan hệ, chi tiết,... nhất định được thể hiện như thế nào?
- Làm thế nào để so sánh các bức vẽ của học

² <https://www.instagram.com/p/CS91RB-pv8KO/?hl=en>

sinh? Bạn thấy được những họa tiết nào? Có điều gì đặc biệt về chúng?

- Bản vẽ này cung cấp những hiểu biết gì về nội dung?

Trong khi xem lại bản vẽ của một học sinh trung học trình bày về quy trình làm bánh mì, tôi nhận thấy rằng cậu bé có hiểu một số khái niệm chính: Cậu bé biết có hai loại protein liên kết để tạo thành gluten và các bức vẽ đơn giản của em chứng minh lý do mà mỗi loại tự nó không thể đem lại tính mềm xốp cho chiếc bánh mì. Nhưng tôi tự hỏi liệu em ấy có hiểu vai trò của các axit amin, nước, sự trộn lẫn và nhào trộn trong quy trình này không.

Trong phản hồi của mình, tôi thừa nhận các yếu tố mà em ấy minh họa một cách chính xác. Sau đó, để xác định xem liệu em có thể hiểu được sự phức tạp của quá trình này hay không thì tôi sẽ hỏi em ấy rằng: Đây có phải là những yếu tố duy nhất cần thiết để hai loại protein tạo ra gluten hay không? Bản vẽ này đang thiếu những gì? Bạn có thể bổ sung nó ở đâu và như thế nào?

Khi chúng ta thấy tư duy được thể hiện dưới dạng trực quan, chúng ta - học sinh và giáo viên - sẽ

có được những hiểu biết có giá trị về các khái niệm liên quan. Chúng ta học hỏi từ những gì người khác thấy, từ những lựa chọn mà họ đưa ra để thể hiện một ý tưởng, và thậm chí cả những quan niệm sai lầm mà họ có thể mắc phải.

Suy nghĩ thì luôn lộn xộn - chúng ta thường không tuân theo một quy trình cứng nhắc và nhất quán để suy nghĩ thấu đáo các vấn đề, mặc dù một quy trình từng bước ổn định thường được sử dụng để giải quyết một vấn đề toán học, hình thành giả thuyết hoặc viết lập luận. Cung cấp cho học sinh các cơ hội có cấu trúc rõ ràng để thể hiện tư duy của các em bằng cách vẽ cho phép các em thể hiện các quy trình tư duy độc đáo của mình thông qua việc suy nghĩ về các khái niệm và vấn đề phức tạp từ đó đưa ra các giải pháp sáng tạo. Khi chúng ta nhìn thấy được tư duy của học sinh, chúng ta phát hiện ra những chi tiết nhỏ nhất về những gì các em làm và chưa hiểu. Từ đó, chúng ta có thể chuẩn bị tốt hơn để giúp củng cố sự hiểu biết của các em và để xây dựng bài giảng dựa trên những dữ liệu đó.





Crystal Frommert¹ | Duy Vũ dịch

Những học sinh cấp hai và cấp ba của tôi vội vàng bước vào lớp cùng với bài tập về nhà đã được hoàn thành, sẵn sàng đưa ra những câu hỏi cho bài học ngày hôm ấy. Các em đã làm hết bài tập không phải vì mong muốn có được điểm số tốt mà là vì tinh thần ham học hỏi của chính mình... và rồi tôi tỉnh dậy từ giấc mơ ngọt ngào ấy.

Thực tế phũ phàng là các em liên tục kiểm tra và lo lắng về điểm số của mình. Các em thường hỏi tôi:

- Em sẽ bị trừ bao nhiêu điểm nếu em quên làm một bài trong sách?

- Cô sẽ trừ bao nhiêu điểm khi em mắc lỗi chính tả?
- Em cần phải làm gì để đạt điểm A (9.0/10) trung bình các môn?

Sau khoảng thời gian dài thực trạng này diễn ra ở những lớp toán của tôi, tôi bắt đầu phải nhìn lại những gì mình đã làm góp phần tạo nên văn hóa quá chú trọng vào điểm số này. Thật xấu hổ khi phải thừa nhận rằng tôi đã khen ngợi học sinh dựa trên điểm số thay vì dựa trên những nỗ lực và sự cải thiện của các em. Những buổi họp phụ huynh cũng chỉ chú ý vào điểm số hơn là thảo luận về những gì các em đã học được ở trường.

Trong lúc tôi đang nhìn nhận lại bản thân, tôi cùng những đồng nghiệp khác, những người

¹ Nguồn: <https://www.edutopia.org/article/5-ways-help-students-focus-learning-rather-grades>

cũng đang quá chú trọng vào việc cho điểm học sinh, đã chia sẻ với nhau những cách thức để thoát khỏi tình trạng học sinh học chỉ vì điểm trong khi vẫn sử dụng điểm số để đánh giá các bài tập của các em.

5 THAY ĐỔI ĐỂ TRÁNH XA “VĂN HÓA” HỌC VÌ ĐIỂM SỐ

1. Thay đổi cách nói chuyện của bạn (với cả học sinh lẫn phụ huynh)

Trước đây, khi một học sinh cảm thấy chán nản với việc làm bài tập, tôi thường đe dọa: “Em phải hoàn thành bài tập vì cô sẽ lấy điểm bài này!” Còn bây giờ, tôi sẽ khuyến khích rằng: “Em đã làm rất tốt trong việc rút gọn các đơn vị radian. Cô đang rất mong đợi xem em sẽ áp dụng kỹ năng đó trong những bài tập về định lý Py-ta-go như thế nào.” Có phải cách này luôn có thể dùng được không? Dĩ nhiên là không. Tuy nhiên, việc cố tình dùng các từ ngữ hướng vào việc học tập thay vì điểm số của tôi đã bắt đầu gây ra sự chuyển biến tích cực trong lớp học.

Cách nói chuyện của tôi với các bậc phụ huynh cũng đã thay đổi. Khi trò chuyện qua email hoặc điện thoại cho phụ huynh, tôi tập trung đề cập đến những nội dung và kỹ năng học trò mình đã học được thay vì chỉ nhấn mạnh vào điểm. Khi phải đề cập đến điểm của học trò, tôi sẽ nói: “Devon đã đạt được 35 trên 42 điểm ở bài tập gần nhất. Tôi nghĩ rằng em nên tập cách phân tích số nguyên tố nhiều hơn để chuẩn bị cho chương tiếp theo.” Có lẽ đây là một cách khôn ngoan khi nhắc đến những con số, nếu tôi nói rằng em ấy chỉ được B- thay vì 35/42 điểm, phụ huynh sẽ cảm thấy con mình có điểm số tệ.

2. Công bố điểm gián tiếp

Tôi có được ý tưởng này là nhờ bài Blog của Kristy Loudon về cách để học sinh chú ý hơn đến nhận xét của giáo viên thay vì điểm của mình. Loudon đã viết: “Hãy trì hoãn việc học sinh thấy được

điểm của mình để hướng sự chú ý của các em vào lời nhận xét của giáo viên hơn.”

Tôi cùng một giáo viên toán khác đã thử nghiệm phương pháp này. Trong lớp học, tôi vẫn sẽ chấm điểm từng câu cho học sinh với một chút ghi chú ở bên cạnh, nhưng sau khi chấm, chúng tôi không ghi bất kỳ điểm số hay điểm chữ nào lên bài kiểm tra. Khi trả bài, học sinh sẽ được yêu cầu kiểm tra lại các câu sai và tự sửa bài của mình. Khi trợ giúp học sinh sửa bài, tôi sẽ chỉ thảo luận về nội dung và nhận xét, và vẫn sẽ không cho điểm.

Ban đầu việc này làm các em khá ngạc nhiên, tuy nhiên qua thời gian các em bắt đầu chú ý vào việc thể hiện kiến thức của mình. Tôi sẽ hẹn riêng với từng học sinh vào ngày hôm sau nếu các em yêu cầu được biết điểm của mình (Dĩ nhiên tôi vẫn phải cho điểm vì đó là yêu cầu của nhà trường).

3. Giảm số đầu điểm

Nghiên cứu khuyên rằng bài tập về nhà hoặc các bài đánh giá quá trình không nên lấy điểm. Rất nhiều giáo viên tôi quen biết sẽ cho điểm học sinh với mỗi bài tập mà các em hoàn thành. Tôi đã dừng hẳn việc đó vài năm về trước nhưng vẫn ghi lại tất cả những ai đã làm hoặc chưa làm bài tập về nhà để báo cáo trong những cuộc họp phụ huynh. Tôi nhấn mạnh rằng bài tập về nhà là một cơ hội tốt để học sinh luyện tập và khám phá kiến thức mới thay vì coi đó là một đầu điểm. Để giảm thiểu áp lực, tôi thông báo với học sinh rằng những bài điểm thấp nhất sẽ được bỏ đi và không tính vào cột điểm. Điều này đã giải tỏa rất nhiều lo lắng cho các em.

4. Cho cơ hội làm lại

Tôi là một fan trung thành của trang blog được viết bởi cô Starr Sackstein, nơi mà cô thường viết về cách chấm điểm chuẩn hóa. Trong những bài đăng gần đây, cô đã viết: “Những bài kiểm tra chỉ được làm một lần đa số sẽ không thể giúp các em thể hiện hết mình do sự giới hạn của trí

nhớ.” Tổ toán của trường tôi có một chính sách cho phép học sinh thực hiện lại bài kiểm tra để cải thiện cột điểm xấu nhất của học kỳ đó. Nếu trường bạn không có chính sách này, hãy đề xuất với nhà trường. Hoặc hãy tự sáng tạo một cách để cho học sinh cơ hội làm lại vì lợi ích học tập của các em - chứ không phải chỉ đơn giản là thay điểm.

5. Cho phép học sinh tự chấm điểm

Tôi thường nghe thấy những lời phản biện khi nhắc đến điều này: “Nếu ta không chấm điểm các em theo cách truyền thống thì làm sao có thể chuẩn bị được cho các em vào môi trường đại học?” Dĩ nhiên, thật khó để chúng ta có thể dự đoán được những gì các em sẽ đối mặt ở môi trường giáo dục sau phổ thông, nhưng có vẻ như đang có một trào lưu hướng đến việc “không chấm điểm” ở một số giáo sư đại học. Một bài báo của Inside Higher Ed năm 2019 đã ghi rằng “hoàn toàn hợp lý về mặt sư phạm khi các giáo sư thực hiện việc [không chấm điểm] đó, các kinh nghiệm nghiên cứu cho thấy điểm số đóng vai trò ngoại lực (không phải nội lực) tác động vào động lực của các em, làm giảm hứng thú học tập và gia tăng nỗi sợ thất bại. Hơn nữa, điểm số không phải là thước đo phải có để đánh giá quá trình học tập của học sinh. Và, dựa trên nghiên cứu bổ sung, chúng ta biết rằng việc cho điểm này đang được lạm dụng khắp nơi.”

Giáo viên có thể giảm bớt phần nào những tác động tiêu cực bởi điểm số lên học sinh bằng cách trao cho các em quyền tự đánh giá. Khi học sinh thực hiện phiếu chấm điểm chéo, hãy yêu cầu học sinh tự cho điểm chính mình, và hãy dành một ít thời gian để trò chuyện với các em về những gì các em ghi trong đó. Đôi khi điểm các em tự cho mình có thể thấp hơn điểm mà bạn định cho, và đó là dấu hiệu tốt để bắt đầu cuộc trò chuyện. Hơn nữa, tự chấm điểm, tự đánh giá sẽ giúp các em làm chủ được việc học của mình và tăng cường khả năng siêu nhận thức của các em (metacognitive).

Trong giấc mơ của tôi, thầy cô giáo chúng ta sẽ không còn phải cho điểm học sinh nữa, và học sinh có thể vui vẻ hoàn thành tất cả bài tập là nhờ sự hứng thú vào việc học của các em. Nhưng trong thực tế, điểm số, với nhiều thiếu sót, lại quyết định vị trí và xếp hạng của học sinh. Tuy nhiên, chúng ta, những thầy cô giáo, có thể sáng tạo trong những giới hạn của bốn bức tường lớp học để làm cho điểm số đánh giá chính xác hơn và gây ít áp lực hơn lên học sinh của mình.



HỖ TRỢ HỌC SINH KHI TRƯỜNG HỌC MỞ CỬA LẠI

Carl Leonard, Gail Brown¹
LISA dịch

Tùy thuộc vào thành phố hay khu vực mà bạn đang ở, trở lại trường học là một việc sớm muộn sẽ xảy ra. Đối với giáo viên và học sinh, đó sẽ là thời điểm thú vị nhất, còn phụ huynh hẳn là sẽ cảm thấy may mắn và nhẹ nhõm hơn rất nhiều.

¹ Nguồn: https://www.teachermagazine.com/au_en/articles/covid-19-how-teachers-can-help-students-transition-back-to-school

Chuyển giao từ học trực tuyến sao trực tiếp cũng là thời điểm quan trọng liên quan đến việc tối đa hóa các cơ hội học tập, ngay cả trong thời điểm này hay sau khi trường học mở cửa đi nữa.

Giờ đây, chúng ta đã và đang thay đổi, và chúng ta có thể hỗ trợ cho nhau, cùng nhau tiến về phía trước.

Tình hình mỗi trường mỗi khác. Tại thời điểm viết

bài báo này, các mức độ hạn chế khác nhau vẫn đang được thực hiện cho việc quay trở lại trường học; mặc dù trong hầu hết các trường hợp, quá trình chuyển đổi từ học trực tuyến sang trực tiếp diễn ra sớm hơn nhiều so với dự kiến.

Dưới đây là một số tip và đề xuất để hỗ trợ cộng đồng trường học quản lý quá trình chuyển đổi này cho tất cả học sinh, đặc biệt là những em có nhu cầu hỗ trợ thêm.

Quy trình, cấu trúc và giao tiếp

Việc trở lại trường học với các thói quen học tập cũ càng nhanh càng tốt giống như một tấm chăn mùa đông ấm áp và thoải mái cho tất cả các học sinh, đặc biệt là các học sinh có nhu cầu cần hỗ trợ. Ví dụ, nhiều gia đình có con em mắc chứng tự kỷ chính là minh chứng cho việc những thay đổi hàng ngày liên quan đến COVID-19 tuyệt đối là một bãi mìn nguy hiểm. Điều này có thể đúng đối với nhiều học sinh, có hay không có nhu cầu bổ sung hỗ trợ, những người mà sự phát triển đã vượt ra khỏi các ranh giới đã biết và các thói quen có thể hàng ngày. Việc sử dụng phương pháp giao tiếp quen thuộc như bản tin hoặc email, để thông báo cho gia đình về những gì thay đổi hoặc không về hệ thống, cấu trúc và quy trình, có thể là một cách thể hiện sự hoan nghênh phụ huynh và người chăm sóc chuẩn bị cho học sinh trở lại trường học.

Khai thác kinh nghiệm tự cách ly để xây dựng sự tự tin của học sinh

Một mức độ trách nhiệm chưa từng thấy mà học sinh ở mọi lứa tuổi phải gánh vác là đáng để khen ngợi và tận dụng. Các nhà quản lý thông minh sẽ sử dụng kết quả chất lượng của học sinh qua thời kỳ học ở nhà như một phương tiện cho việc dạy và học. Phản hồi này có thể được sử dụng để tạo niềm tin vào khả năng tự định hướng của học sinh. Hơn nữa, xây dựng niềm tin dựa mức độ tự tin và tự chủ mới đạt được này là một cách khác để giáo viên thể hiện sự quan tâm của mình

đến học sinh, tạo một môi trường học tập an toàn và hỗ trợ, nơi học sinh được thử thách để thành công hơn.

Lên kế hoạch để hòa nhập và giảm nỗi lo lắng

Giao tiếp và lập kế hoạch rõ ràng là cách để giảm bớt lo lắng xung quanh quá trình chuyển đổi này. Tất cả các nhà giáo dục, đặc biệt là lãnh đạo trường học, cần dành thời gian để suy nghĩ và lập kế hoạch cho việc tích hợp các phương pháp phòng tránh lây nhiễm COVID-19 vào các thói quen thường ngày và cấu trúc học tập đã được thiết lập trước đó, để đảm bảo rằng học sinh sẽ có những trải nghiệm “bình thường” nhất có thể khi quay trở lại trường. Ở cấp độ giảng dạy, giáo viên có thể đưa ra nhiều điểm xuất phát kiến thức khác nhau (thay vì chỉ có hai lựa chọn tham gia được hay không tham gia được) để giúp giảm bớt sự lo lắng của học sinh. Lập kế hoạch hòa nhập bằng cách thiết kế các hoạt động giảng dạy và học tập để đáp ứng nhu cầu của tất cả học sinh chưa bao giờ quan trọng đến thế.

Ví dụ: những học sinh có khả năng tiếp cận hiệu quả với công nghệ tại nhà có thể đã tiến bộ trong việc học tập trong khoảng thời gian không được đến trường, trong khi những học sinh khác không có hoặc sự tiếp cận hạn chế hơn, và/hoặc những học sinh có thêm những nhu cầu học tập khác có thể sẽ tiến bộ chậm hơn. Chúng ta có thể coi đây là “Khoảng cách Đa dạng COVID”, và nó sẽ chỉ làm trầm trọng hơn sự khác biệt đã sẵn có giữa những học sinh vốn cần sự trợ giúp nhất với những học sinh khác khi các em quay trở lại trường học. Do đó, nhu cầu phân biệt khả năng học tập trên lớp hiện nay sẽ lớn hơn so với trước kia rất nhiều. Điều quan trọng là, tác động của việc gia tăng khoảng cách học tập này có thể vượt lên trên cả khả năng học tập của học sinh và tác động tiêu cực đến sức khỏe của các em. Bằng cách thể hiện sự đồng cảm với học sinh (giống như “chúng ta đều bị rơi vào tình huống này cùng nhau”) và thừa nhận những khó khăn

phải đối mặt trong quá trình cách ly/giãn cách xã hội, giáo viên có thể hỗ trợ cho học sinh của mình.

Các ví dụ khác có thể trợ giúp các học sinh, đặc biệt là những học sinh có nhu cầu hỗ trợ thêm, bao gồm:

- Chia sẻ thời gian biểu trực quan đã được chuẩn bị và điều chỉnh trước khi trở lại trường học;
- Truyền đạt thông tin rõ ràng cho các gia đình về các thủ tục và giao thức phòng tránh COVID-19 ở trường;
- Giáo viên sử dụng kiến thức chuyên môn của họ về học sinh để chuẩn bị và hỗ trợ những em dễ lo âu hơn những em khác
- Giáo viên hoặc Nhân viên trong trường học luôn ở đó lắng nghe khi học sinh cần người để tâm sự

Chia sẻ và khám phá những kinh nghiệm học tại nhà

Dành thời gian để khám phá và học về những trải nghiệm của học sinh, đặc biệt là những trải nghiệm học tại nhà, sẽ là một phần quan trọng trong bước đầu của quá trình chuyển đổi - cả vì lý do cần chia sẻ và lý do về giảng dạy và học tập. Học sinh sẽ cần thời gian và không gian để điều chỉnh lại việc học tập tại trường. Đối với một số em, quá trình chuyển đổi này sẽ chứa đựng nhiều lo lắng như ngày đầu tiên đến trường hoặc ngày đầu của năm học. Chuẩn bị và đáp ứng những nhu cầu nên là một trong những ưu tiên hàng đầu.

Tất cả chúng ta đều học bằng cách suy nghĩ và phản ánh về những điều chúng ta đã trải qua hoặc đã làm trong cuộc sống của mình. Ví dụ, một hình ảnh đơn giản cho trẻ nhỏ có thể là:

“Em có thích:

- Ở nhà hơn là đến trường không?
- Gặp mặt bạn bè không?
- Làm mọi việc cùng gia đình không?

- Đứng thật gần cạnh người khác không?
- Không được thăm gia đình mình không?
- Rửa tay trong 30 giây không?”

Những câu này ngấm ẩn sự thừa nhận rằng mọi thứ đã thay đổi. Là giáo viên, chúng ta có thể tự viết các câu của riêng mình nhưng phải đảm bảo một số từ ngữ là tích cực, và một số khác là tiêu cực. Học sinh có thể vẽ các bức tranh thể hiện những trải nghiệm cùng gia đình trong quá trình tự cách ly. Học sinh nhỏ tuổi hơn có thể giơ tay hoặc mặt cười để cho biết các em nghĩ gì về những câu hỏi trên. Học sinh lớn hơn có thể sử dụng chúng làm mẫu cho bài viết về cảm xúc và kinh nghiệm của mình khi tự cách ly tại nhà. Cuộc thảo luận có thể được đào sâu hoặc mở rộng bằng cách thêm từ “bởi vì” vào cuối mỗi câu, hoặc đơn giản hơn bằng cách hỏi “Tại sao?”. Điều này có thể thúc đẩy suy nghĩ, lập luận và viết ra những ý tưởng và lý do phức tạp hơn.

Sau đó, chúng ta có thể kiểm tra một số mẫu trả lời này và/hoặc phỏng vấn các em về những kinh nghiệm được chia sẻ từ góc nhìn của việc dạy và học, để có thu được những ý tưởng thú vị từ quan điểm của học sinh về phương pháp học tập tốt nhất (quá trình tự giám sát, phản ánh, siêu nhận thức).

Nói chuyện với trẻ về những hiểu biết của các em, đặc biệt là những hiểu biết về COVID-19 là rất quan trọng. Đây không phải là cuộc trò chuyện “một lần duy nhất”, trẻ em học hỏi qua những cuộc trò chuyện lặp đi lặp lại theo thời gian. Những cuộc đối thoại này bao gồm một số câu hỏi điển hình mà học sinh và con cái của chúng ta có thể hỏi, và những cách chúng ta có thể nói và tìm hiểu về tất cả những thay đổi đang diễn ra. Ngoài ra, còn có các hoạt động gợi ý mà giáo viên có thể sử dụng để bắt đầu thảo luận hoặc cho những bài tập viết.

Một mối quan hệ gia đình-trường học mới

B A C K T O

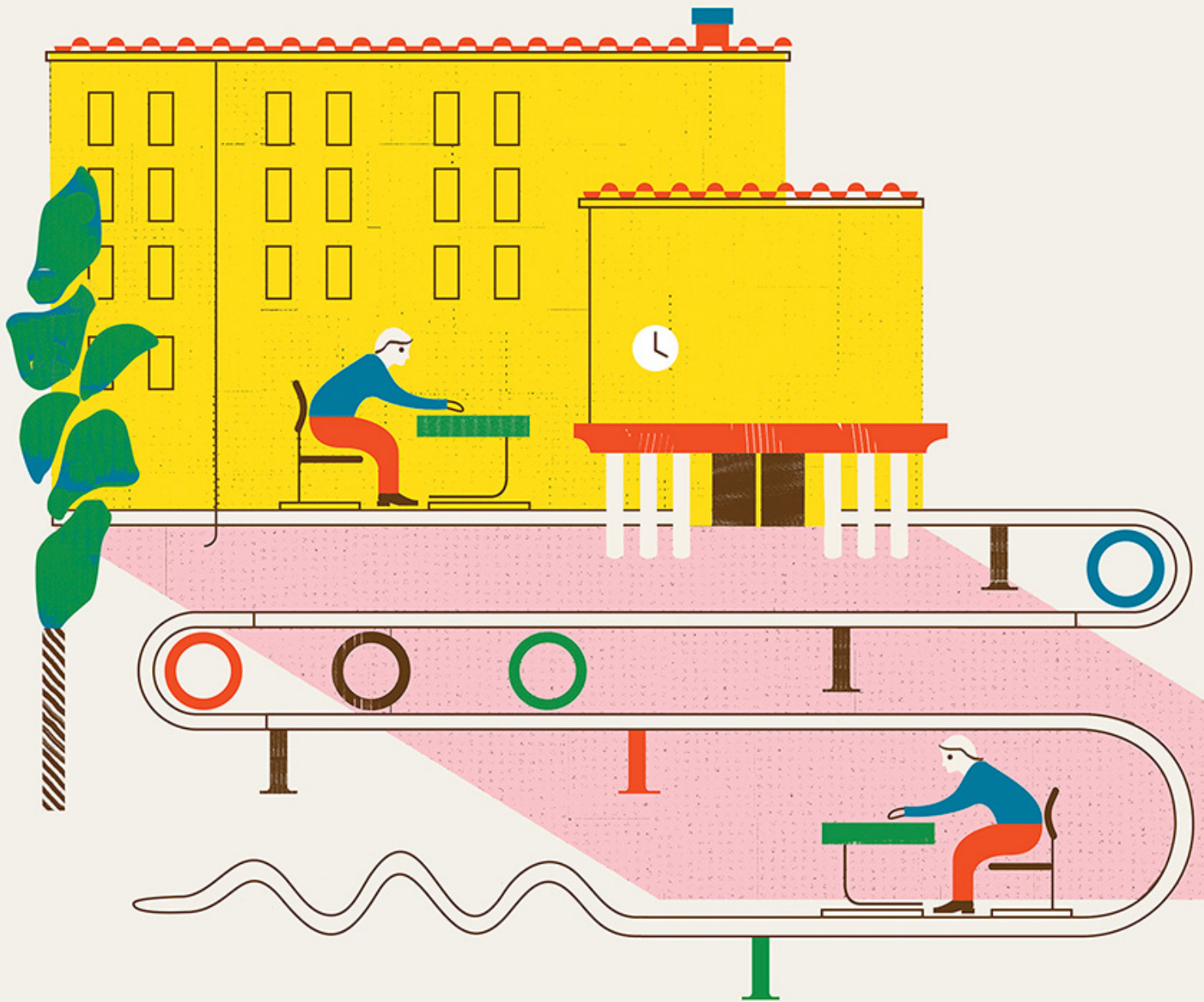
Trong thời gian học tại nhà, tất cả giáo viên, đặc biệt là giáo viên của những học sinh cần sự hỗ trợ đặc biệt, cần phải chú ý để không gây mệt mỏi thêm cho phụ huynh, người chăm sóc - những người vốn đã phải chịu rất nhiều gánh nặng khi phải chăm sóc những đứa trẻ có nhu cầu đặc biệt như vậy. COVID-19 đã tạo ra rất nhiều phức tạp, bất an và lo lắng. Tất cả chúng ta đều đang cố gắng cân bằng và đối phó với những tác động từ cuộc sống ở nhà lên công việc. Đáng mừng thay, điều này đã tạo ra nhiều cơ hội hơn để phụ huynh và người chăm sóc hiểu và đồng cảm với công việc của giáo viên và ngược lại. Có lẽ sẽ không có thời điểm nào tốt hơn bây giờ để các trường khai thác chiều sâu mối quan hệ này để hỗ trợ việc học tập của học sinh.

Đây là một cơ hội thực sự để củng cố, và thậm chí là mở rộng, các chiến lược và cấu trúc giao tiếp với phụ huynh và người chăm sóc. Khi phụ huynh và người chăm sóc hiểu rõ hơn về nội dung học có thể tạo điều kiện cho việc thiết lập các mục tiêu học tập có ý nghĩa hơn và hỗ trợ tốt hơn cho

học sinh ở môi trường gia đình. Đối với những học sinh có các nhu cầu đặc biệt, một mối quan hệ phụ huynh - giáo viên bền chặt sẽ giúp tăng cường các hiểu biết chung về học sinh cho cả hai phía để điều chỉnh các quy trình học tập sao cho phù hợp nhất với các nhu cầu đặc biệt đó.

Ví dụ, một đứa trẻ có nhu cầu lớn về sự sạch sẽ có thể đã gia tăng sự độc lập cao hơn trong suốt quá trình học tại nhà. Thông qua một cuộc họp đánh giá kịp thời, sự độc lập mới này có thể được kết hợp vào các thói quen đã được điều chỉnh tại trường học và các mục tiêu nâng cao của IEP (Individual Education Plan - Kế hoạch Giáo dục cá nhân). Tương tự, với một đứa trẻ có khả năng thích ứng cao hoặc theo học một chương trình khác biệt yêu cầu các thiết bị và công nghệ chuyên biệt trước COVID-19, phụ huynh và giáo viên có thể tìm ra những cách mới để tiếp tục sử dụng công cụ đó bên ngoài trường học. Đây sẽ là một cơ hội lớn để khai thác những kỹ năng mới trong quá trình học tập thích ứng kế hoạch của tương lai.

S C H O O L !



COVID-19 ĐANG THỨC ĐẨY CÁC CẢI CÁCH GIÁO DỤC

The Economist Briefing June 26th 2021¹

MinhTrang lược dịch

Covid 19 tạo ra sự gián đoạn chưa từng có trong lịch sử ngành ngành giáo dục. Đến giữa tháng 4/2020, hơn 90% trường học trên toàn thế giới phải đóng cửa. Tình trạng đóng cửa trường học vẫn chưa đi đến hồi kết này đã và đang ảnh hưởng không nhỏ đến học tập, an toàn và sự phát triển về thể chất cùng tinh thần của trẻ. Thời điểm trẻ

¹ [How covid-19 is inspiring education reform | The Economist](#)

em tại các quốc gia phát triển quay trở lại trường, các nhà cải cách mong rằng “cú sốc” Covid-19 sẽ tạo ra những thay đổi tích cực tới trường học: hiệu quả, linh hoạt và công bằng hơn.

Trường học đóng cửa đã đẩy giáo viên vào một cuộc “cải cách” với thời gian chuẩn bị chóng vánh chỉ tính bằng đơn vị ngày. Cùng lúc, toàn bộ chương trình học được xây dựng lại.

Tiến độ và kết quả học tập của học sinh bị đình

trẻ. Justin Reich thuộc Viện công nghệ Massachusetts chia sẻ, với phần lớn các gia đình Mỹ, học trực tuyến là “một thứ gì đó nằm giữa sự thất vọng và thảm họa”. Theo số liệu ghi nhận được ở nhiều quốc gia trên thế giới, nhiều em không theo kịp bài học thậm chí không thu nạp được bao nhiêu suốt khoảng thời gian học trực tuyến. Những học sinh có gia cảnh khó khăn là những người chịu nhiều thiệt thòi nhất. Theo một nghiên cứu ở Hà Lan, tình trạng thất học cao hơn 50% ở nhóm học sinh nghèo. Tới mùa thu năm 2020, tiến độ môn tiếng Anh của trẻ 8 đến 9 tuổi ở Ohio đã chậm khoảng $\frac{1}{3}$ chương trình cả năm so với những năm trước. Điều này thể hiện rất rõ ở điểm kiểm tra giảm tới hơn một nửa của học sinh da màu.

Trường học “tan đàn xẻ nghé”

Việc đóng cửa trường học càng nhấn mạnh hơn tầm quan trọng của dạy học trực tiếp đối với sức khỏe thể chất và tâm thần của học sinh. Trẻ em Ý ăn uống kém lành mạnh hơn khi ở nhà. Nhiều báo cáo cũng chỉ ra tình trạng gia tăng và lan rộng của bạo hành trẻ em, bởi các em giờ đây không còn ở trong vòng tay và tầm mắt của giáo viên - thường là những người đầu tiên phát hiện ra sự bất thường. Bên cạnh đó, theo Yoshinaga Sakura - một giáo viên trung học ở Numazu miền trung Nhật Bản, khi trường học đóng cửa, trẻ thường phải ở nhà một mình do cha mẹ vẫn phải đi làm. Cô nghĩ điều này là một phần nguyên nhân khiến số trường hợp tự làm bản thân bị thương gia tăng. Euan Morton - một giáo viên trung học cơ sở ở Melbourne, Úc chia sẻ, sự trưởng thành về hành vi, nhận thức hay thái độ của một số em có khoảng thời gian học trực tuyến liên tục dường như kém hơn so với mong đợi: “Sự phát triển trong kỹ năng xã hội không hề song hành với sự phát triển về học tập của học sinh”.

Tuy nhiên, vẫn có những điểm sáng. Khủng hoảng đã làm mối liên hệ giữa cha mẹ và thầy cô trở nên gần gũi hơn - điều mà theo nhiều nghiên

cứu thể hiện tác động tích cực rõ rệt trong tỷ lệ tham gia lớp học và sau đó là kết quả học tập được cải thiện đáng kể của học trò. Trong cuộc bỏ phiếu gần đây thực hiện bởi Đại học John Hopkins, hơn một nửa số hiệu trưởng trường học tại Mỹ cho biết mối quan hệ của họ với phụ huynh học sinh đã được kéo gần hơn bao giờ hết so với ngày trước.

Đại dịch cũng trở thành cú hích đưa việc áp dụng công nghệ vào giảng dạy, mà trước đây vẫn luôn diễn ra chậm chạp. Theo Victoria Richmond, hiệu trưởng một trường tiểu học ở Đông Nam nước Anh, chẳng có lựa chọn nào khác ngoài đầu tư vào máy tính. Giờ con của cô đã trở lại lớp, máy tính bảng trường học trang bị cung cấp cho lũ trẻ công cụ dịch thuật trực tiếp ngay tại lớp học - một điều đặc biệt có lợi với những em không có ngôn ngữ mẹ là tiếng Anh. Hiệu trưởng của một số trường còn cho biết, Covid-19 thực sự đã đẩy nhanh tiến độ đầu tư vào công nghệ của trường học lên cả một thập kỷ.

Một điểm sáng nữa đó là thành tích của một số em được cải thiện khi học trực tuyến, đặc biệt là những em mắc chứng lo âu hoặc là nạn nhân của bạo lực học đường. Nhiều em ngại phát biểu ý kiến trong lớp dường như cảm thấy bớt áp lực hơn trong giờ nhờ sự trợ giúp của tính năng gọi video và nhắn tin. Jal Mehta thuộc Đại học Harvard cho rằng học trực tuyến có thể mang lại lợi ích cho một số em tư chất tốt, tự giác và thích học nhưng “mệt mỏi với những khía cạnh xã hội ở trường.” Nhiều em cũng tới lớp đầy đủ hơn khi chuyển từ học trực tiếp sang trực tuyến. “Học trực tuyến khiến việc tham gia lớp học dễ dàng hơn. Ngay cả khi không khỏe cũng không hề gì.”, chia sẻ của Lila Conte - một học sinh 12 tuổi chăm chỉ tới từ Bronx.

Kể từ khi học sinh phải học ở nhà, nhận thức về bất bình đẳng trong xã hội ngày càng được nâng cao. Chứng kiến cảnh giáo viên chật vật

gửi laptop, thiết bị phát Wifi và thực phẩm cho các học sinh nghèo khiến nhiều người có cái nhìn tổng quan hơn về tác động của các yếu tố ngoài trường học đến khả năng thích nghi của một đứa trẻ. Chẳng còn quá sớm để đặt những câu hỏi về cách thức cải thiện trường học trong tương lai. Những trải nghiệm chúng ta có được qua đại dịch có lẽ sẽ củng cố quan điểm “các trường cần nâng cao khả năng thích ứng và phục hồi của trẻ nhằm giúp chúng ứng phó với thay đổi, thậm chí là những cú sốc” của một số nhà cải cách giáo dục. Andreas Schleicher của OECD chia sẻ, những học sinh trước đại dịch được giáo viên chăm sóc nhiều nhất cũng chính là nhóm chật vật nhất khi học trực tuyến. Ông cho rằng trường học cần giúp trẻ rèn luyện tính tự lập để chuẩn bị cho một tương lai khi sự “chen chân” của công nghệ bắt buộc nhiều ngành nghề phải liên tục thích nghi và đổi mới.

Ông Schleicher cho rằng cải tổ trường học phù hợp với các nhu cầu khác nhau của trẻ là việc làm cần thiết nhằm thu hẹp khoảng cách thành tích giữa các học sinh. “Chúng ta áp dụng duy nhất một mô hình dạy học cho mọi đứa trẻ... có gì đáng ngạc nhiên lắm hay sao khi kết quả học tập tốt cuộc cũng chỉ là một trong những tấm gương phản ánh hoàn cảnh xã hội của chúng chứ?” Ông cũng khẳng định rằng tại nhiều trường, “hệ thống phân loại cũng chẳng hề được xây dựng với mục đích thúc đẩy sự phát triển cá nhân của học sinh.” Paul Reville thuộc Đại học Harvard, một trong số những người cho rằng trường học phải loại bỏ “mô hình nhà máy” truyền thống mà ở đó, tất cả các em đều theo học một chương trình trong một khoảng thời gian quy định y hệt nhau và chuyển đổi sang “mô hình y tế” - nơi hỗ trợ và thời gian nhận “dịch vụ” được cung cấp và quy định tùy theo nhu cầu của từng em. Mô hình này bao gồm cả cách giải quyết các vấn đề ngoài trường học đã, đang và có thể sẽ làm khó học sinh.

Trước đại dịch, một số nhỏ nhưng bắt đầu gia tăng các trường học tại Mỹ loại bỏ các cấu trúc truyền thống, thay vào đó, áp dụng cơ cấu “đa cấp” kết hợp trẻ thuộc 2 hoặc 3 nhóm tuổi khác nhau. Theo cơ cấu cũ, học sinh lên lớp đều mỗi năm. Kể cả khi tiến độ một vài môn của các em không theo kịp tiến độ yêu cầu, hiếm có em nào phải ở lại lớp. Các hệ thống linh hoạt hơn hướng đến việc tạo cơ hội cho các học sinh đang “bí” ở một hay vài môn học nhiều thời gian, trợ giúp thiết thực và tự do hơn để nhanh chóng “qua ải” thành công. Covid-19 có lẽ mở ra nhiều trải nghiệm như trên hơn trong trường hợp địa vị xã hội mất đi vị trí vốn có của nó.

Những nỗ lực giúp học sinh lấy lại những kiến thức đã mất chính là cơ hội đầu tiên để xây dựng nền móng của một hệ thống giáo dục tân tiến hơn. Chính phủ nhiều nước tin rằng gia sư cá nhân hay theo nhóm nhỏ sẽ làm nên chuyện. Các học sinh đang chật vật chắc sẽ hưởng lợi lớn nếu mô hình gia sư đang được nhân rộng này trở thành nền tảng cốt lõi của các hệ thống giáo dục.

Rời tham vọng của bạn cũng sẽ tăng lên thôi

Sẽ không có sự hỗ trợ nào phát huy tác dụng nếu các vấn đề hay khó khăn ngoài việc học thu hút sự chú ý hoặc cản trở học sinh tới trường vẫn chưa được giải quyết. Nỗ lực cùng trẻ vượt qua khó khăn cần sự chung tay của không chỉ nhà trường, cha mẹ mà còn cả của các tổ chức xã hội. Các trường được khuyến khích xây dựng kế hoạch hỗ trợ cho toàn bộ học sinh vượt qua giai đoạn khó khăn không chỉ trong học tập mà còn cả các vấn đề về cảm xúc và sức khỏe khi ở nhà ví dụ như lập ra các ngân hàng thực phẩm, quần áo, các dịch vụ tư vấn và chăm sóc sức khỏe tinh thần hay kiểm tra thị lực với giá cả phải chăng. Trong khi đó, các tổ chức xã hội hoặc cơ quan liên quan có thể phối hợp gây quỹ, kêu gọi thêm sự hỗ trợ từ đa dạng các nguồn lực.

“Những thay đổi nhỏ nơi trường học, suy cho

cùng, sẽ không hoàn toàn loại bỏ được các rào cản ngăn trở học sinh tiến tới thành công”, Ed Vainker, đồng sáng lập Children’s Hub chia sẻ. Ông cho rằng, trường học chỉ là nơi thể hiện sự đồng lòng trong việc kêu gọi sự hỗ trợ từ nhiều nguồn của các tổ chức xã hội mà thôi.

Vậy còn công nghệ thì sao? Ông Reich thuộc Đại học RMIT nghĩ rằng những trải nghiệm tồi tệ từ dịch bệnh sẽ giúp chôn vùi những kỳ vọng phóng đại từ lâu rằng công nghệ giáo dục có thể nhanh chóng và hoàn toàn thay đổi giáo dục. Tuy vậy, ông vẫn mong giáo viên sẽ được khuyến khích sử dụng nó hiệu quả hơn.

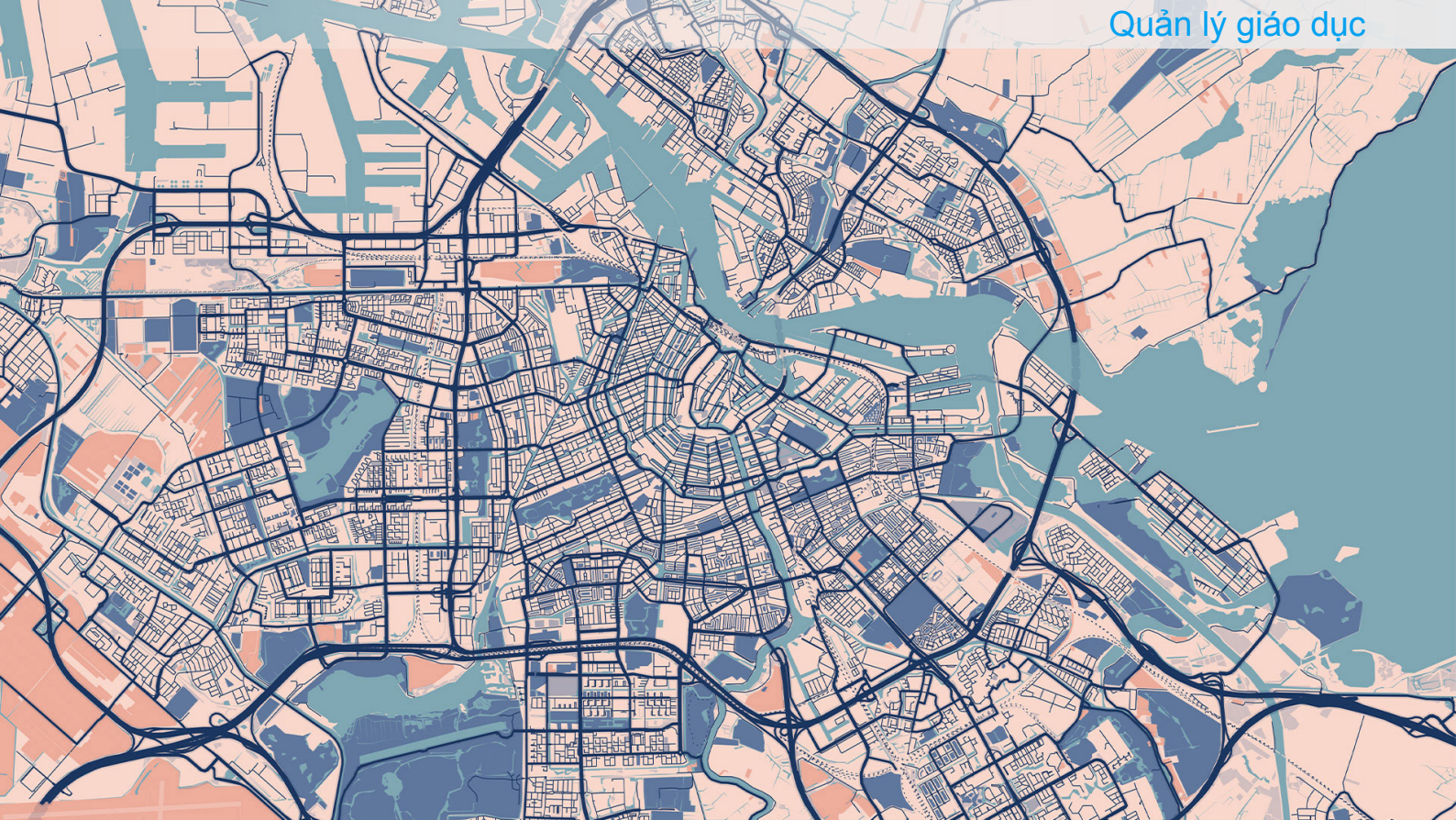
Trước đại dịch, giáo viên nhận ra rằng tài liệu phát cho học sinh trên lớp đầu giờ học hoàn toàn có thể được truyền tải qua video gửi trước. Thay đổi này hạn chế tối đa thời gian dành cho việc giảng bài trên lớp của giáo viên, đồng thời, tối đa hóa thời gian dành cho việc giúp đỡ học sinh áp dụng kiến thức đã được học qua video. Cách này đặc biệt hiệu quả với những học sinh tiếp thu chậm. Nó cũng tạo điều kiện tiếp tục những phân công lao động mới lạ một số trường học đã đặt ra trong thời kỳ đại dịch, nơi một số giáo viên đặc biệt ưa nhìn được giao nhiệm vụ sản xuất các bài học video, trong khi những người khác nỗ lực để giúp đỡ từng học sinh.

Rất nhiều trẻ em sẽ hưởng lợi nếu đại dịch khiến người lớn nhận ra rằng không phải tất cả trẻ em đều phù hợp với mô hình giáo dục một-cho-tất-cả. Cùng lúc, nó hướng sự chú ý và kêu gọi được nhiều hơn đầu tư vào các mô hình thay thế khác.

Hãy làm theo cách của bạn

Khi lịch trình làm việc của cha mẹ linh hoạt hơn, nhu cầu áp dụng các mô hình giáo dục mới có lẽ sẽ tăng.

Noam Gerstein, người sáng lập người Israeli của Bina, một trường tiểu học trực tuyến với trụ sở chính ở Berlin, nghĩ rằng một số tập đoàn có thể sẽ bị thuyết phục chi trả cho việc kết nối với các lớp học trực tuyến của nhân viên. Đó là lợi ích của nhân viên mà. Cô dự kiến sẽ tạo ra một số không gian cho lũ trẻ học trực tuyến trong tòa nhà. Cô nghĩ phụ huynh chắc sẽ vui khi thấy con mình trong giờ làm việc hay trong bữa trưa chẳng hạn. Có rất nhiều lý do để bi quan về tương lai phục hồi hoàn toàn của trường học sau đại dịch. Giáo viên đang kiệt sức. Quan hệ giữa các hiệp hội và quan chức đang xấu đi. Các chính phủ thất lưng buộc bụng. Còn phụ huynh thì vẫn bận bịu làm việc và trông chừng lũ trẻ toàn thời gian trong khi ngành giáo dục đang tuyệt vọng giao phó toàn bộ học sinh của mình cho nhiều bên khác nhau. Tuy vậy, việc chuyển đổi tức thì từ học trực tiếp sang trực tuyến cũng cho thấy một điều rằng trường học đủ khả năng đương đầu với những thay đổi to lớn. Cứ nghĩ rằng sẽ đáng sợ, vậy mà trên thực tế, cải cách dường như lại nhẹ nhàng và dễ dàng hơn tưởng tượng.



BẤT BÌNH ĐẲNG GIÁO DỤC THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ Ở ANH QUỐC GIA TĂNG MẠNH SAU 30 NĂM

Sally Weale¹ | Ngô Thị Thanh Tùng dịch

Báo cáo khẳng định rằng, nơi sinh sống của những đứa trẻ sinh năm 2000 là một yếu tố tiên đoán mạnh mẽ hơn về sự thành công trong học tập của chúng so với những đứa trẻ sinh năm 1970.

Theo một nghiên cứu mới đây, rất nhiều trẻ em không đạt thành tích cao ở trường do sự bất bình đẳng trong giáo dục giữa các vùng ngày càng gia tăng, và điều này có tác động xấu đến các cơ hội trong cuộc sống của chúng.

Một báo cáo của Quỹ Thị trường Xã hội (SMF) - một tổ chức tư vấn giải pháp độc lập (thinktank) - cho biết sự bất bình đẳng về địa lý trong kết quả giáo dục đã tăng lên trong 30 năm qua. Trong khi 70% học sinh ở London hiện đạt được 5 điểm A*-C (đạt từ C trở lên) của GCSE (Chứng chỉ Giáo

dục phổ thông) thì tỷ lệ này ở Yorkshire và Hum-ber chỉ là 63%.

Sự chênh lệch về kiến thức đã thể hiện rõ ở độ tuổi 11, khi kết thúc tiểu học. Nghiên cứu khẳng định, nơi sinh sống của những đứa trẻ sinh năm 2000 là một yếu tố dự báo mạnh mẽ hơn về sự thành công trong học tập so với những đứa trẻ sinh năm 1970.

Mức thu nhập của gia đình từ lâu đã được ghi nhận là yếu tố chính ảnh hưởng đến kết quả học tập. Các chính sách như chương trình ưu đãi dành cho học sinh đã được đưa ra để hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh khó khăn có thêm kinh phí, nhưng các chuyên gia giáo dục ngày càng lo ngại về sự khác biệt giữa các khu vực.

Kết quả học tập phân theo vùng

Tỷ lệ đạt được điểm 5+ A*-C GCSE hoặc tương đương, năm học 2013-2014

1 Nguồn: <https://www.theguardian.com/education/2016/jan/12/geographical-inequality-education-growth-study-finds>

London	70.5
South-east	67.4
South-west	66.2
East	65.5
North-west	65.4
West Midlands	64.2
North-east	63.3
East Midlands	63.1
Yorkshire and the Humber	62.8

Nguồn: Department for Education

Mặc dù London đã có sự cải thiện đáng kể về điểm GCSE trong những năm gần đây, một phần nhờ các sáng kiến về chính sách như London Challenge và sự đóng góp tích cực của đa dạng sắc tộc ở thủ đô và các thành phố lớn khác, trẻ em ở các vùng khác vẫn tiếp tục đạt kết quả không như mong đợi.

Vào tháng trước, trưởng thanh tra các trường học, Ngài Michael Wilshaw, đã nói về sự chia rẽ giáo dục “cực kỳ có vấn đề” ở Anh, trẻ em ở miền bắc và miền trung ít có khả năng hơn so với các bạn ở miền Nam về cơ hội được học tại một trường trung học tốt hoặc xuất sắc.

Báo cáo hàng năm của Ofsted về tình trạng các trường học của quốc gia đã xác định 16 vùng chính quyền địa phương hoạt động kém, ở các nơi này học sinh đạt điểm GCSE thấp hơn trung bình và tiến bộ ít hơn mức trung bình. Ngoài trừ ba vùng ra thì vùng còn lại đều thuộc miền Bắc và miền Trung.

Công bố báo cáo của SMF hôm thứ Ba, cựu phó thủ tướng Nick Clegg cho biết: “Điều đang trở nên rõ ràng hiện nay là sự bất bình đẳng trong giáo dục có nhiều hình thức và quy mô. Không

phải chỉ có sự giàu có của các bậc cha mẹ có liên quan đến việc kìm hãm một số lượng lớn những đứa trẻ thông minh mà còn cả sự bất bình đẳng về mã bưu điện. Trẻ em lớn lên ở vùng nào đó của đất nước có ảnh hưởng thực sự đến các cơ hội trong cuộc sống của chúng”.

Nghiên cứu của SMF đã phân tích năng lực của trẻ em 11 tuổi qua ba thế hệ - những đứa trẻ sinh năm 1958, 1970 và 2000 - thông qua các bài kiểm tra suy luận dạng nói.

Clegg cho rằng: “Đối với nhóm nhỏ nhất - tức là những học sinh đang học trung học hiện nay - có sự khác biệt rõ rệt về thành tích ở các vùng khác nhau. “Những người sống ở London, đông nam và tây bắc có tỷ lệ điểm cao cao nhất. Trong khi những người sống ở phía đông bắc, Yorkshire và West Midlands có tỷ lệ điểm kém cao nhất.”

Cựu lãnh đạo của Đảng Dân chủ Tự do bổ sung: “Đó là một bản cáo trạng đáng thất vọng đối với xã hội của chúng ta khi một đứa trẻ sinh ra ngày nay ít có cơ hội nhận ra tiềm năng của chúng nếu chúng được sinh ra ở một vùng nhất định của đất nước. Đối với những người ở độ tuổi của tôi, ý tưởng rằng thế hệ con cái của chúng ta có thể là thế hệ đầu tiên không đạt được những kết quả tốt như cha mẹ chúng là điều vô cùng lo lắng. Nhưng đó là một thực tế đang diễn ra ở hàng triệu bậc cha mẹ.”

Nghiên cứu của SMF cũng xem xét tác động của thu nhập gia đình đối với kết quả học tập và báo cáo chỉ ra rằng 40% trẻ em có hoàn cảnh khó khăn nhất được ăn miễn phí tại trường (FSM) đạt

được mức 5 A*-C GCSE, so với 70% những học sinh thuộc các gia đình giàu có hơn và không nhận các bữa ăn miễn phí.

Mặc dù khoảng cách về kiến thức giữa trẻ em giàu và nghèo dường như đã được thu hẹp trong thập kỷ qua bằng cách sử dụng thang đo của 5 mức tốt của GCSE, báo cáo cho thấy nếu việc đo lường khắt khe hơn của chính phủ - thang đo 5 mức tốt của GCSE bao gồm tiếng Anh và toán - được sử dụng thì “sự tiến bộ là không còn quan sát được nữa”.

Báo cáo cũng xem xét ảnh hưởng của sắc tộc và phát hiện ra rằng hơn 85% học sinh Trung Quốc đạt được 5 điểm tốt của GCSE so với 59% học sinh da đen vùng Caribe. Báo cáo cũng nhấn mạnh những lo ngại đã lan rộng về tình trạng thành tích học tập kém của học sinh da trắng - đặc biệt là những học sinh có hoàn cảnh khó khăn - những học sinh đã “giảm từ thành tích vượt trội xuống thành tích kém hơn trung bình trong suốt ba thập kỷ”.

Đáp lại báo cáo này, Bộ Giáo dục cho biết các cuộc cải cách giáo dục đã đạt được thêm 1,4 triệu trẻ em vào các trường tốt hoặc xuất sắc kể từ năm 2010. Bộ Giáo dục (DfE) cũng tuyên bố rằng khoảng cách về kiến thức giữa học sinh có hoàn cảnh khó khăn và các bạn đồng trang lứa đã giảm ở cả cấp tiểu học và trung học cơ sở.

“Tuy nhiên, chúng tôi nhận ra rằng còn nhiều việc phải làm,” một phát ngôn viên của Bộ cho biết. “Chúng tôi đang mở rộng các chương trình Teach First và School Direct và khởi động chương trình National Teaching Service, nghĩa là sẽ có nhiều giáo viên tuyệt vời hơn trong các trường học ở mọi nơi trên đất nước để chúng tôi có thể mở rộng cơ hội cho mọi trẻ em và đảm bảo tất cả các trường đều có thể tuyển dụng giáo viên mà họ cần. Chương trình ưu đãi dành cho học sinh, trị giá 2,5 tỷ bảng Anh năm nay, đang hỗ trợ rõ

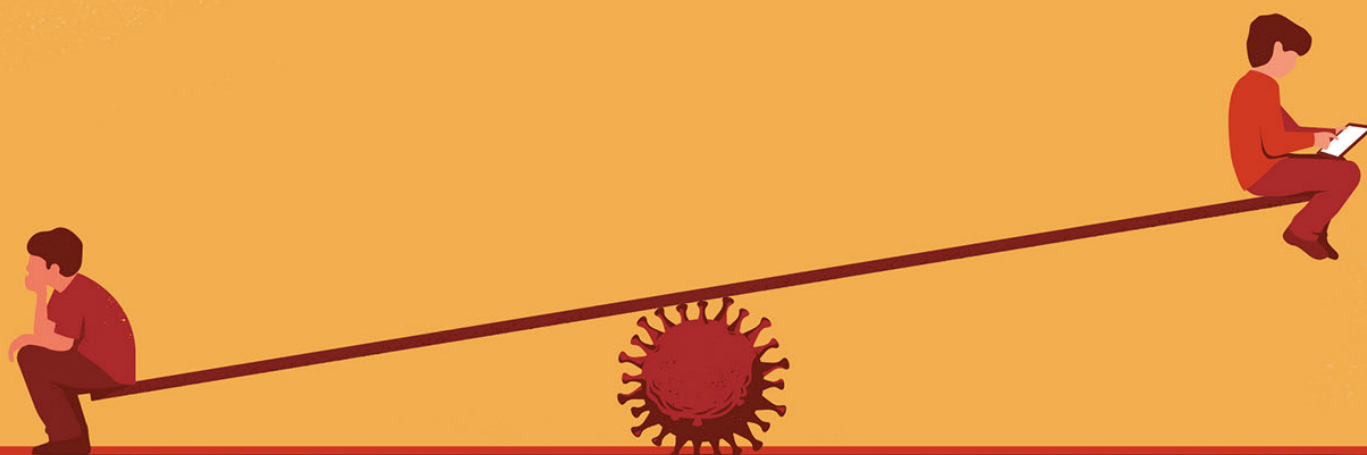
rệt cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn và giúp đảm bảo mọi trẻ em, bất kể xuất thân của chúng, đều có cơ hội phát huy hết tiềm năng của mình.”

Giám đốc SMF, ông Emran Mian cho biết: “Trong khi thu nhập của cha mẹ vẫn rất quan trọng, nghiên cứu mới này cho thấy rằng nơi bạn sống đóng một vai trò lớn hơn trong việc quyết định thành tích giáo dục.”

“Nghiên cứu mới của chúng tôi cũng chỉ ra rằng câu chuyện xung quanh nguồn gốc dân tộc và giáo dục đã trở nên phức tạp hơn nhiều. Trước đây, trẻ em có nguồn gốc không phải là người da trắng học kém hơn. Giờ đây, trẻ em từ một số nhóm dân tộc, bao gồm cả trẻ em Trung Quốc và Ấn Độ, học tốt hơn mức trung bình, trong khi những nhóm khác - bao gồm cả trẻ em da đen Caribbean và trẻ em da trắng nghèo - học kém hơn.”

Stephen Gorard, giáo sư giáo dục tại Đại học Durham, cho biết nghiên cứu của SMF đã đúng khi thu hút sự chú ý đến sự khác biệt trong kết quả học tập giữa miền nam, miền trung và đông bắc.

Ông nói: “Tuy nhiên, họ đã sai khi cho rằng sự khác biệt này là do tác động của vùng miền chứ không phải do nền tảng của học sinh. Cho dù họ đưa ra các con số nhưng những con số đó không nói lên rằng nền tảng học sinh không thể giải thích sự khác biệt về thành tích. Tình trạng nghèo đói nhìn chung là nghiêm trọng hơn ở vùng đông bắc và trung du. Kết luận này đã không được nhìn ra do số mẫu nhỏ và thiếu nhiều dữ liệu của hai nhóm thế hệ.”



GIÁO DỤC VÀ SỰ BẤT BÌNH ĐẲNG TRONG NĂM 2021: LÀM THẾ NÀO ĐỂ THAY ĐỔI HỆ THỐNG?

Conrad Hughes¹
Vũ Như dịch

Lần theo những dấu vết xa xưa nhất, cách đây ít nhất 5.000 năm, giáo dục chính quy - nghĩa là một nền giáo dục tập trung vào đọc viết và làm toán - vốn có tính chọn lọc cao. Các trường học cho các linh mục Ai Cập cổ đại và trường học cho các thầy thông giáo ở Sumeria chỉ mở cửa cho con cái của các giáo sĩ hoặc các vị vua tương lai. Sau này, những người giàu có sẽ thuê các gia sư riêng, chẳng hạn như các Nhà ngụ biện (Sophist) ở Athens (500 - 400 TCN). Các trường học Hy Lạp cổ đại, chẳng hạn như Học viện Plato và Trường học Aristotle, chỉ dạy cho một nhóm nhỏ những cá nhân được cho là ưu tú. Giáo dục chính quy được dành riêng cho trẻ em nam, những người giàu có, có khả năng và đặc quyền.

Theo thời gian, ngay cả sau khi các xã hội học tập bắt đầu phát triển, nó vẫn là một nền giáo dục cho một số ít người chứ không phải cho tất cả mọi người.

Vào những năm 1800, người da đen bị từ chối tiếp cận với nền giáo dục chất lượng ở Hoa Kỳ. Ở các thuộc địa châu Âu, giáo dục được sử dụng để tước bỏ di sản văn hóa của người dân và khiến họ phải sống trong một tương lai lao động chân tay. Giáo dục luôn khó tiếp cận với phụ nữ hơn so với nam giới. Thậm chí cho đến ngày nay, có tới hơn 130 triệu trẻ em gái vẫn chưa được đến trường². Mặc dù sự chênh lệch giữa trẻ em gái và trẻ em trai ngày càng giảm, trẻ em gái vẫn đang ở vị trí bất lợi hơn rất nhiều. Từ góc độ kinh tế - xã hội, ở nhiều quốc gia, các trường tư thục tiếp tục phát triển bên cạnh các trường học bắt buộc của nhà nước, cung cấp một phong cách giáo dục khác,

¹ Nguồn: <https://theconversation.com/education-and-inequality-in-2021-how-to-change-the-system-158470>

² Nguồn: <https://www.unicef.org/education/girls-education>

đôi khi học phí rất cao.

Ngày nay, tiến độ đạt được ước mơ được phổ cập giáo dục còn chậm. Giáo dục cho tất cả mọi người của UNESCO và Mục tiêu phát triển bền vững số 4 của Liên hợp quốc, nhằm “đảm bảo chất lượng giáo dục hòa nhập và bình đẳng cũng như thúc đẩy cơ hội học tập suốt đời cho tất cả mọi người”, vẫn chưa thành hiện thực: khoảng 260 triệu trẻ em vẫn chưa được đến trường³. Đại dịch COVID-19 đã khiến tình hình trở nên tồi tệ hơn, với khoảng 500 triệu học sinh không thể tiếp cận được việc học từ xa⁴. Ước tính có hơn 200 triệu trẻ em sẽ vẫn không được đến trường vào năm 2030.

Trong nghiên cứu của tôi về “Giáo dục và chủ nghĩa tình hoa”⁵, câu hỏi bao quát xuyên suốt cuốn sách là về tương lai của nền giáo dục trên toàn thế giới: Triển vọng cho tương lai là gì? Có phải chúng ta đang đối mặt với một thực trạng mà số đông ngày càng bần cùng và chỉ có một nhóm thiểu số lại ngày càng trở nên quyền lực và giàu có hơn?

Một số con đường có thể mở ra. Một mặt, các cơ sở giáo dục chọn lọc có thể trở nên khó tiếp cận hơn trong khi giáo dục tư thục vượt xa các tiêu chuẩn quốc gia. Mặt khác, có những thay đổi có thể làm cho giáo dục trở nên dễ tiếp cận hơn như: học bổng, giáo dục tư nhân rẻ hơn, hệ thống nhà nước mạnh mẽ hơn và cải cách hệ thống kiểm tra/đánh giá.

Triển vọng cho tương lai

Các chương trình học bổng: Những chương trình này cho phép những người giỏi nhất và nghèo nhất được tiếp cận với các hệ sinh thái học tập

³ Nguồn: <http://uis.unesco.org/en/topic/out-school-children-and-youth>

⁴ Nguồn: <https://data.unicef.org/resources/re-mote-learning-reachability-factsheet/>

⁵ Nguồn: <https://www.routledge.com/Education-and-Elitism-Challenges-and-Opportunities/Hughes/p/book/9780367527884>

đang biến đổi. Tuy nhiên, điều này góp phần làm chảy máu chất xám và không phát triển ngành giáo dục địa phương, đặc biệt là ở châu Phi.

Giáo dục tư nhân rẻ hơn: Số trường tư thục dễ tiếp cận ngày càng tăng lên. Điều này cho phép nhiều trẻ em được tiếp cận một số giá trị riêng biệt của các hệ thống giáo dục tư nhân - chương trình giảng dạy linh hoạt hơn, sĩ số lớp học nhỏ hơn, cá nhân hóa nhiều hơn. Tuy nhiên, có những báo cáo cho rằng điều này đang làm gia tăng khoảng cách xã hội, bởi hệ thống giáo dục công lại không phát triển đủ để có thể bắt kịp chất lượng của giáo dục tư.

Hệ thống nhà nước mạnh mẽ hơn: UNESCO ước tính sẽ tiêu tốn tổng cộng 340 tỷ đô la Mỹ mỗi năm để đạt được phổ cập giáo dục mầm non, tiểu học và trung học ở các quốc gia có thu nhập thấp và trung bình thấp vào năm 2030. Mức chi tiêu cho giáo dục tiểu học có chất lượng ở một quốc gia thu nhập thấp trung bình hàng năm trên mỗi học sinh được dự đoán là 197 USD vào năm 2030. Điều này tạo ra khoảng cách ước tính hàng năm là 39 tỷ USD từ năm 2015 đến năm 2030. Việc tài trợ cho khoảng cách này kêu gọi hành động từ các nhà tài trợ khu vực tư nhân, các nhà từ thiện và các học viện tài chính quốc tế.

Học trực tuyến: COVID-19 khiến tình trạng bất bình đẳng trở nên rõ ràng hơn. Tuy nhiên, sự gia tăng chóng mặt của học trực tuyến trên toàn thế giới cũng là một hiện tượng đáng chú ý. Nếu được điều phối bởi những người điều hành giỏi về mặt học thuật, điều này sẽ mở ra tiềm năng lớn để giáo dục trở nên dễ tiếp cận hơn. Tuy nhiên, có một vấn đề là: hướng dẫn trực tuyến thiếu đi tính cảm xúc mà học trực tiếp tạo ra được. Do đó, mức độ động lực và sự kiên trì có xu hướng thấp trong các môi trường học tập trực tuyến. Và quan trọng là ở nhiều quốc gia, nhiều học sinh vẫn không có khả năng truy cập Internet.



Một chặng đường phía trước: cải tổ hệ thống

Có lẽ phong trào thực chất nhất để giảm bớt bất bình đẳng sẽ không phải là tăng tốc tiếp cận với một hệ thống đồ nát mà là cải tổ chính hệ thống đó.

Đã đến lúc phải nhìn xa hơn những chỉ số học thuật hẹp như cách duy nhất để mô tả năng lực của những người trẻ tuổi. Toàn bộ hệ thống giáo dục ở các trường trung học, ở mọi quốc gia, cần phải thay đổi đáng kể. Các mô hình đánh giá nên công nhận và nuôi dưỡng nhiều năng lực đa dạng và đa dạng hơn, đặc biệt là thái độ, kỹ năng và các loại kiến thức ngoài những kiến thức tập trung được nền kinh tế - xã hội ưa chuộng, chẳng hạn như đọc viết và làm toán. Cho đến khi các trường đại học và nhà tuyển dụng nhìn xa hơn các thước đo truyền thống, sẽ rất khó để phá vỡ sự ủng hộ, đối với phần lớn các ứng viên thuộc tầng lớp trung lưu, xã hội và sắc tộc.

Để thực sự thoát khỏi một thiên niên kỷ của chủ nghĩa tinh hoa, các hệ thống chọn lọc, phương pháp tiếp cận cần phải chuyển từ học thuật thuần túy sang hệ thống tín chỉ ghi lại nhiều câu chuyện hơn là chỉ về học tập. Hệ thống tín chỉ mới này nên được coi là giấy thông hành, ở đó sinh viên đã được đóng dấu với các năng lực đa dạng khác nhau như học tập suốt đời hay khả năng tự chủ mà họ đã phát triển trong suốt quá trình học của mình (trong trường học), cho phép họ được công nhận trên nhiều phương diện.

Một liên minh các trường học từ khắp các châu lục đang làm việc trong dự án này, và cùng nhau thảo luận để đi đến kết luận chung. Điều này có nghĩa là đồng thiết kế một bảng điểm tương xứng với cuộc sống để cho phép nhiều trẻ em tiếp cận hơn dựa trên các tiêu chí mở rộng hơn.



10

NGHIÊN CỨU

GIÁO DỤC

CÓ Ý NGHĨA

NHẤT NĂM

2021

Youki Terada, Stephen Merrill, Sarah Gonser¹
LISA dịch

Từ việc tái định nghĩa khái niệm của chúng ta về một “trường học tốt” đến việc khai thác tốt nguồn lực giáo viên chuyên nghiệp, đây là danh sách những nghiên cứu trong năm 2021 mà bạn không thể bỏ qua

2021 là một năm vất vả và chưa từng có đối với các thầy cô giáo và lãnh đạo nhà trường. Chúng tôi đã xem qua hàng trăm nghiên cứu để lần theo dấu vết của những gì đã xảy ra vào một năm không thể quên này. Các nghiên cứu đã tiết lộ bức chân dung phức tạp về một năm mệt mỏi, trong đó các vấn đề về sức khỏe thể chất cùng tinh thần vẫn dai dẳng ảnh hưởng đến hàng triệu các nhà giáo dục. Trong khi đó, nhiều cuộc tranh

¹ <https://www.edutopia.org/article/10-most-significant-education-studies-2021>

luyện cũ vẫn tiếp tục: Liệu tài liệu giấy có đánh bại tài liệu kỹ thuật số? Học tập dựa trên dự án có hiệu quả như học tập trực tiếp không? Và định nghĩa của một “trường học tốt” là gì?

Nhiều nghiên cứu khác cũng đã thu hút sự chú ý của công chúng, một vài trong số chúng thậm chí còn trở thành tiêu điểm. Các nhà nghiên cứu từ Đại học Chicago và Đại học Columbia đã sử dụng trí thông minh nhân tạo trên khoảng 1,130 cuốn sách dành cho trẻ em từng đoạt giải thưởng để tìm kiếm các thành kiến vô hình trong đó (Tiết lộ cho bạn một chút là họ đã tìm thấy một số thành kiến). Một nghiên cứu khác đã tiết lộ lý do tại sao nhiều phụ huynh lưỡng lự không muốn ủng hộ việc học về xã hội và cảm xúc trong trường học - và cung cấp những gợi ý về cách mà các nhà giáo dục có thể lật ngược tình huống.

1. Những bậc phụ huynh cảm thấy gì về SEL (và làm thế nào để thay đổi những suy nghĩ đó)

Khi các nhà nghiên cứu tại Viện Fordham yêu cầu phụ huynh xếp hạng các cụm từ liên quan đến việc học tập về xã hội và cảm xúc, dường như họ chẳng nghĩ ra được từ gì cả.² Thuật ngữ “học tập về cảm xúc - xã hội” (social-emotional learning - SEL) không được nhiều người biết tới; hầu hết cha mẹ không muốn con cái tập trung vào nó. Nhưng khi các nhà nghiên cứu thêm một cụm từ đơn giản, biến nó thành “học tập về cảm xúc - xã hội và học thuật”, ngay lập tức, chương trình học đó trở thành á quân trong bảng xếp hạng mức độ phổ biến này.

Điều gì khiến các bậc phụ huynh suy nghĩ như vậy?

Các nhà nghiên cứu cho rằng, có những thuật ngữ liên quan đến SEL khiến họ cảm thấy khó chịu hoặc lo lắng. Các cụm từ như “kỹ năng mềm”, “tư duy phát triển” làm họ cảm thấy thật “viển vông” và không hề mang tính học thuật. Đối với

một số người, loại ngôn ngữ này lại là “mật mã truyền đạt sự tự do”.

Nhưng nghiên cứu cho thấy, các bậc cha mẹ có thể cần những lời trấn an đơn giản nhất để vượt qua những khủng hoảng về chính trị. Việc loại bỏ biệt ngữ, tập trung vào các cụm từ hữu ích như “kỹ năng sống” và liên tục gắn SEL với sự tiến bộ học tập sẽ giúp phụ huynh cảm thấy thoải mái và có vẻ như còn tiết kiệm được thời gian cho quá trình học tập về xã hội và cảm xúc.

2. Bí mật trong kỹ thuật quản lý của giáo viên có kinh nghiệm

Dưới bàn tay của những nhà giáo giàu kinh nghiệm, việc quản lý lớp học gần như chẳng nặng nề: Các kỹ thuật được thực hiện một cách tinh tế ở hậu trường, học sinh bỗng có thói quen giữ trật tự và nhiệt tình tham gia vào các nhiệm vụ học tập nghiêm ngặt hết như thể có ma thuật vậy.

Theo nghiên cứu³, đó chẳng phải là một sự tình cờ đầy may mắn. Trong khi các hành vi nổi loạn vẫn không thể hoàn toàn loại bỏ trong môi trường trường học, các giáo viên dày dạn kinh nghiệm vẫn có thể gieo mầm nơi lớp học các chiến lược xây dựng mối quan hệ giúp chủ động ngăn chặn hành vi sai trái trước khi nó bùng phát. Họ cũng tiếp cận kỷ luật một cách tổng thể hơn so với những đồng nghiệp ít kinh nghiệm, họ biết cách định hình lại các hành vi không đúng mực bằng việc nhìn nhận nó trong bối cảnh rộng hơn, như là làm sao để biến những bài học trở nên hấp dẫn hơn hay trong cách mà họ truyền đạt những kỳ vọng một cách rõ ràng.

Tập trung vào các biến động ngầm ẩn của các hành vi thay vì gián đoạn xảy ra trên bề mặt - có nghĩa là các giáo viên chuyên nghiệp cũng thường nhìn một vấn đề theo những cách khác nhau vào những thời điểm khác nhau. Thay vì

2 Chi tiết nghiên cứu: <https://sel.fordhaminstitute.org/>

3 Chi tiết nghiên cứu: <https://www.sciencedirect.com/science/article/abs/pii/S0742051X20314347?via%3Di-hub>

chỉ tập trung vào một vi phạm nhỏ trong phép xã giao (một sai lầm mà giáo viên mới vào nghề rất hay gặp phải), họ có xu hướng nhìn nhận xa hơn, đặt câu hỏi về nguồn gốc có thể dẫn đến hành vi sai trái đó, khéo léo điều hướng hành vi học sinh giữa kỷ luật và quyền tự chủ của các em và chọn cách giải quyết hành vi đó một cách riêng tư nhất có thể.

3. Sức mạnh đáng ngạc nhiên của việc kiểm tra trước khi học (pretesting)

Yêu cầu học sinh làm bài kiểm tra trước khi nội dung đó được dạy nghe có vẻ rất lãng phí thời gian. Suy cho cùng, bài kiểm tra đó cũng chỉ có thể làm dựa trên phỏng đoán của các em mà thôi.

Nhưng nghiên cứu mới nhất⁴ lại kết luận rằng, phương pháp nêu trên (gọi là pretesting) thực sự đem lại hiệu quả nhiều hơn so với các chiến lược học tập điển hình khác. Một điều đáng ngạc nhiên là nó thậm chí còn vượt qua cả phương pháp làm các bài kiểm tra thông thường - tức là kiểm tra sau khi đã học các nội dung nhất định - một phương pháp đã được công nhận bởi các nhà khoa học nhận thức và giáo dục. Trong nghiên cứu, những học sinh làm bài kiểm tra trước khi học có kết quả vượt trội hơn so với các bạn khác học theo cách truyền thống đến 49% và hơn 27% so với những học sinh học theo cách ngược lại. Các nhà nghiên cứu đưa ra giả thuyết rằng, “việc tạo ra lỗi” là chìa khóa thành công của phương pháp này. Nó thúc đẩy sự tò mò và khiến học sinh phải “tìm kiếm câu trả lời chính xác” khi chúng được bắt đầu tiếp cận nội dung học. Thêm vào đó, một nghiên cứu năm 2018⁵ cho thấy, việc đưa ra các phỏng đoán mang tính giáo dục có thể giúp học sinh kết nối kiến thức nền tảng với tài liệu mới.

4 Chi tiết nghiên cứu: <https://psycnet.apa.org/doi/10.1037/xap0000345>

5 Chi tiết nghiên cứu: <https://www.tandfonline.com/doi/abs/10.1080/09658211.2018.1464189?journalCode=p-mem20>

Việc học tập sẽ lâu bền hơn khi học sinh nỗ lực sửa chữa những quan niệm sai lầm. Nghiên cứu cho thấy rằng, nhắc nhở lặp lại về sai lầm là một cột mốc quan trọng trên con đường học tập.

4. Đối mặt với những ngộ nhận về học sinh nhập cư

Học sinh nhập cư thường được nhắc đến như những người gây ra các ảnh hưởng tiêu cực tới hệ thống giáo dục, nhưng nghiên cứu mới nhất⁶ đang phá tan định kiến đó.

Trong một nghiên cứu năm 2021, các nhà nghiên cứu đã phân tích hơn 1.3 triệu hồ sơ học tập và khai sinh của học sinh tại các cộng đồng ở Florida. Kết luận được đưa ra là học sinh nhập cư thực sự có “tác động tích cực đến thành tích học tập của học sinh bản địa”, điểm kiểm tra được nâng cao khi số lượng học sinh nhập cư đến trường tăng lên. Những lợi ích này đặc biệt mạnh mẽ đối với học sinh trong gia đình có thu nhập thấp.

Trong khi những người nhập cư ban đầu “phải đối mặt với những thách thức trong quá trình hòa nhập có thể cản đến sự bổ sung các nguồn lực ở trường học”, các nhà nghiên cứu kết luận rằng, sự chăm chỉ và khả năng phục hồi có thể tạo điều kiện giúp họ trở nên xuất sắc, và do đó, “gây những ảnh hưởng tích cực đến thái độ và hành vi của những học sinh sinh ra tại Hoa Kỳ”. Những theo giáo viên Larry Ferlazzo, những cải tiến này có thể xuất phát từ một thực tế là việc có những học sinh học tiếng anh trong các lớp học sẽ cải thiện khả năng su phạm, thúc đẩy giáo viên xem xét “các vấn đề như kiến thức trước khi vào bài học, giáo trình và tối đa hóa khả năng tiếp cận.”

6 Chi tiết nghiên cứu: <https://www.nber.org/papers/w28596>

5. Một bức tranh đầy đủ hơn về một “ngôi trường tốt”

Các nhà nghiên cứu khẳng định trong một nghiên cứu được công bố vào cuối năm 2020⁷ rằng, đã đến lúc suy nghĩ lại định nghĩa của chúng ta về một “ngôi trường tốt”. Bởi vì những tiêu chí đánh giá thông thường như điểm kiểm tra thường cung cấp một bức tranh không đầy đủ và dễ gây hiểu lầm.

Nghiên cứu đã xem xét hơn 150.000 học sinh lớp 9 theo học tại các trường công lập ở Chicago và kết luận rằng, việc nhấn mạnh các khía cạnh xã hội và cảm xúc của việc học (ví dụ như xây dựng mối quan hệ, cảm giác thân thuộc và khả năng phục hồi) giúp cải thiện tỷ lệ tốt nghiệp trung học và trúng tuyển đại học đối với cả học sinh ở cả gia đình có thu nhập cao và thấp, vượt xa các trường tập trung chủ yếu vào việc cải thiện điểm thi.

Trưởng nhóm nghiên cứu C. Kirabo Jackson nói trong một cuộc phỏng vấn với Edutopia: “Các trường học quan tâm tới thúc đẩy sự phát triển cảm xúc xã hội thực sự có tác động tích cực lớn đến trẻ em. Và những tác động này đặc biệt lớn đối với nhóm học sinh dễ bị tổn thương, những người thường là không có kết quả tốt trong hệ thống giáo dục.”

Các phát hiện này củng cố tầm quan trọng của phương pháp tiếp cận toàn diện để đo lường sự tiến bộ của học sinh, đồng thời là lời nhắc nhở rằng: trường học - và giáo viên - có thể ảnh hưởng đến học sinh theo những cách khó có thể đo lường được và có thể chỉ thành hiện thực trong tương lai.

6. Dạy chính là học

Một trong những cách tốt nhất để học một khái niệm là dạy nó cho người khác. Nhưng bạn có thực sự phải đưa mình vào vai trò của một nhà

giáo hay chỉ cần có một *kỳ vọng về việc dạy học* là đã đủ để mang lại hiệu quả tương tự rồi?

Trong một nghiên cứu năm 2021⁸, các nhà nghiên cứu chia học sinh ra làm hai nhóm và cho mỗi nhóm một đoạn tài liệu khoa học về hiệu ứng Doppler - một hiện tượng liên quan đến sóng âm thanh và ánh sáng, giải thích sự thay đổi dần dần về âm sắc và cao độ, ví dụ như khi một chiếc ô tô lao vào từ một khoảng cách xa. Một nhóm sẽ nghiên cứu văn bản để chuẩn bị cho một bài kiểm tra, còn nhóm còn lại cho biết rằng họ phải giảng lại kiến thức này cho những học sinh khác. Các nhà nghiên cứu không bao giờ thực hiện nửa sau của nghiên cứu này vì học sinh có đọc các tài liệu nhưng lại chưa bao giờ giảng kiến thức đó cho ai khác. Tất cả những người tham gia sau đó đã được kiểm tra khả năng nhớ lại những gì họ đã học được về hiệu ứng Doppler và khả năng rút ra những kết luận mở rộng hơn từ bài học.

Kết quả là gì? Những học sinh trong nhóm được đưa ra yêu cầu giảng dạy cho người khác có kết quả vượt trội hơn so với những người bạn còn lại cả về thời gian và độ hiểu, đạt điểm cao hơn 9% trong bài kiểm tra nhắc lại sau đó 1 tuần và cao hơn 24% về khả năng suy luận. Nghiên cứu cho thấy, việc yêu cầu học sinh chuẩn bị để giảng giải lại một kiến thức nào đó - hoặc khuyến khích các em nghĩ “liệu mình có thể dạy lại điều này cho người khác không?” - có thể làm thay đổi đáng kể con đường học tập của các em.

7. Những thành kiến đáng lo ngại ẩn trong sách thiếu nhi

Theo một nghiên cứu mới⁹, một vài cuốn sách nổi tiếng dành cho trẻ em được đánh giá cao như Caldecott và Newbery liên tục miêu tả các nhân vật da đen, Châu Á và Tây Ban Nha với làn da sáng hơn.

8 Chi tiết nghiên cứu: <https://psycnet.apa.org/doi-Landing?doi=10.1037%2Fedu0000657>

9 Chi tiết nghiên cứu: <https://www.edworkingpapers.com/sites/default/files/ai21-462.pdf>

7 Chi tiết nghiên cứu: <https://www.nber.org/papers/w28194>

Bằng cách sử dụng trí thông minh nhân tạo, các nhà nghiên cứu đã xem xét 1.130 cuốn sách dành cho trẻ em được viết trong thế kỷ trước và so sánh hai bộ sách: một bộ gồm những cuốn sách nổi tiếng đã giành được các giải thưởng văn học lớn và bộ còn lại thì đạt thành tựu ở những giải thưởng tư nhân. Phần mềm đã phân tích dữ liệu về màu da, chủng tộc, tuổi tác và giới tính có trong các tác phẩm.

Phát hiện được công bố là: Trong khi nhiều nhân vật có màu da sẫm hơn bắt đầu xuất hiện theo thời gian thì những cuốn sách phổ biến nhất (là những cuốn sách thường xuyên được mượn nhiều nhất ở thư viện và được bày nhiều nhất ở giá sách trong lớp học) lại vẫn miêu tả những người da màu với một làn da sáng hơn. Hơn nữa, khi các nhân vật trưởng thành càng “có đạo đức và có vị thế xã hội được coi trọng” thì màu da của họ được miêu tả càng sáng - tác giả chính của nghiên cứu Anjali Aduki nói với The 74 như vậy khi một số cuốn sách chuyển đổi “nước da màu socola của Martin Luther King Jr. thành màu nâu sáng hoặc màu be”. Trong khi đó, các nhân vật nữ thường chỉ được nhắc đến một cách thoáng qua.

Các nhà nghiên cứu đã kết luận: Các đại diện văn hóa là sự phản ánh các giá trị của chúng ta, “do đó, sự bất bình đẳng trong cách thể hiện sẽ tạo thành một tuyên bố rõ ràng về sự bất bình đẳng giá trị.”

8. Chiến tranh không hồi kết giữa tài liệu “cứng và mềm”

Cuộc tranh cãi diễn ra như thế này: Màn hình kỹ thuật số biến việc đọc thành một nhiệm vụ lạnh lùng và vô cảm; chúng tốt cho việc thu thập thông tin và chỉ có vậy. Trong khi đó, những cuốn sách “thực” có sức nặng và có thể “cầm nắm” khiến chúng trở nên gần gũi, mê hoặc và không thể thay thế được.

Những các nhà nghiên cứu thường tìm thấy những bằng chứng yếu ớt hoặc không rõ ràng về tính ưu việt của việc đọc trên giấy. Trong khi một nghiên cứu gần đây¹⁰ kết luận rằng, sách giấy mang lại khả năng hiểu tốt hơn so với sách điện tử trong bối cảnh nhiều công cụ kỹ thuật số đã bị loại bỏ, nhưng hệ số tác động (effect size) của nó thì không lớn. Một phân tích tổng hợp¹¹ năm 2021 càng làm vấn đề này trở nên rối ren hơn: Khi sách kỹ thuật số và sách giấy “gần như giống nhau”, trẻ em sẽ hiểu phiên bản sách giấy dễ dàng hơn rất nhiều - nhưng khi những cải tiến như chuyển động và âm thanh “nhắm vào nội dung cốt truyện” thì sách điện tử lại có lợi thế.

Sự hoài niệm luôn là một sức mạnh mà bất cứ một công nghệ mới nào cũng đều phải đương đầu. Có rất nhiều bằng chứng cho thấy việc viết bằng bút và giấy giúp cho việc học có hiệu quả cao hơn là đánh máy. Nhưng các định dạng sách kỹ thuật số mới được tải sẵn với các công cụ tra cứu mạnh mẽ cho phép người đọc chú thích, tra cứu từ, trả lời các câu hỏi và chia sẻ suy nghĩ của họ với những người đọc khác.

Chúng ta có thể chưa sẵn sàng để thừa nhận điều đó, nhưng đây chính xác là những loại hoạt động thúc đẩy sự tương tác sâu hơn và nâng cao khả năng hiểu, để lại cho chúng ta những ký ức lâu dài về những gì chúng ta đã đọc. Bất chấp nhiều phản đối, tương lai của sách điện tử sẽ vẫn đầy hứa hẹn.

9. Học tập dựa trên dự án

Nhiều lớp học ngày nay vẫn không hề thay đổi so với 100 năm trước đây, khi học sinh chỉ cần chuẩn bị cho các công việc trong nhà máy. Nhưng thế giới thì vẫn tiếp tục xoay vần: Những nghề nghiệp hiện đại ngày càng đòi hỏi những kỹ năng phức tạp hơn như kỹ năng hợp tác, giải quyết vấn đề

10 Chi tiết nghiên cứu: <https://doi.org/10.1111/1467-9817.12269>

11 Chi tiết nghiên cứu: [://journals.sagepub.com/doi/10.3102/0034654321998074](https://journals.sagepub.com/doi/10.3102/0034654321998074)

nâng cao hay khả năng sáng tạo. Và những kỹ năng này khó có thể dạy được trong các lớp học truyền thống khi thời gian và không gian để học sinh phát triển chúng đều vô cùng hạn chế.

Học tập dựa trên dự án được xem như là một giải pháp lý tưởng, nhưng các nhà phê bình cho rằng phương pháp này đặt quá nhiều trách nhiệm lên những người mới học và bỏ qua bằng chứng về hiệu quả của việc giảng dạy trực tiếp, cuối cùng làm suy yếu sự chảy trôi của chủ đề cần học. Những người ủng hộ học tập dựa trên dự án lập luận rằng việc học tập lấy học sinh làm trung tâm và hướng dẫn trực tiếp vẫn có thể và nên cùng tồn tại trong các lớp học.

Giờ đây, hai nghiên cứu quy mô lớn¹² trên hơn 6000 học sinh tại 114 trường đa dạng trên toàn nước Mỹ đã cung cấp bằng chứng cho thấy phương pháp học tập dựa trên dự án nếu có cấu trúc tốt thì có thể thúc đẩy việc học tập cho nhiều học sinh.

Trong các nghiên cứu được tài trợ bởi Lucas Education Research - một bộ phận của Edutopia, học sinh tiểu học và trung học tham gia vào các dự án đầy thử thách yêu cầu các em phải thiết kế hệ thống dẫn nước cho các trang trại địa phương hoặc tạo đồ chơi bằng cách đồ vật gia dụng đơn giản để tìm hiểu về trọng lực, lực ma sát và lực vật lý nói chung. Thử nghiệm sau đó cho thấy những kết quả học tập đáng chú ý, vượt xa những kết quả mà học sinh trong các lớp học truyền thống đã trải qua. Những kết quả đó dường như nâng cao tất cả các mặt còn lại, tồn tại qua các cấp độ kinh tế xã hội, chủng tộc và khả năng đọc hiểu.

12 Chi tiết hai nghiên cứu: <https://www.edutopia.org/article/new-research-makes-powerful-case-pbl>

10. Một năm khó khăn cho giáo viên

Đại dịch COVID-19 đã mang tới một thời kỳ đen tối với những nhà giáo dục.

Trung tâm Đổi mới Giáo dục Công viết trong một báo cáo vào tháng 1 năm 2021: Khối lượng công việc trung bình của một giáo viên “tăng đột biến vào mùa xuân năm ngoái” và vẫn phải duy trì lượng lớn công việc đó cho tới hiện tại. Vào mùa thu, một nghiên cứu của RAND¹³ đã ghi nhận một sự thay đổi đáng kinh ngạc trong thói quen làm việc của nhà giáo: 24% giáo viên báo cáo rằng họ làm việc từ 56 giờ trở nên mỗi tuần, cao hơn rất nhiều so với con số 5% được ghi nhận trước đại dịch.

Vắc xin vốn được kỳ vọng là thuốc giải cho đại dịch, nhưng khi nó xuất hiện, dường như lại không mang đến sự thay đổi nào. Trong một cuộc khảo sát vào tháng 4 năm 2021¹⁴ được tiến hành 4 tháng sau khi lô vắc xin đầu tiên được sử dụng ở New York, 92% giáo viên cho biết công việc của họ vẫn căng thẳng hơn so với trước đại dịch, tăng so với 81% trong một cuộc khảo sát trước đó.

Đây không chỉ là vấn đề của việc phải làm việc trong thời gian quá dài. Khi xem xét kỹ, nghiên cứu cho thấy hệ thống trường học không điều chỉnh được những tiêu chuẩn cần đạt được khi đại dịch ập đến. Dường như các trường học của đang cố gắng duy trì nghĩa vụ giảng dạy kết hợp và hy vọng về một ngày được mở cửa trở lại. Vào tháng 6 năm 2020, trước khi nhiều trường học ở Hoa Kỳ mở cửa lần nữa, chúng tôi đã đưa ra báo cáo rằng dạy học kết học là một vấn đề mới nổi ở nước ngoài và cảnh báo rằng nếu “mô hình này hoạt động tốt trong bất kỳ thời điểm nào” thì các trường học sẽ đều phải “nhận ra và tìm cách giảm bớt khối lượng công việc cho giáo viên”.

13 Chi tiết nghiên cứu: https://www.rand.org/pubs/external_publications/EP68439.html

14 Chi tiết khảo sát: <https://www.edweek.org/teaching-learning/teachers-are-more-stressed-out-than-ever-even-amid-promising-developments-survey-shows/2021/05>

Gần 8 tháng sau, một nghiên cứu của RAND năm 2021¹⁵ đã xác định phương pháp giảng dạy kết hợp là nguyên nhân chính gây căng thẳng cho giáo viên ở Hoa Kỳ, dễ dàng vượt qua các yếu tố như sức khỏe không tốt của những người thân thiết.

Nhu cầu đối với các giải pháp công nghệ ngày càng gia tăng đặt giáo viên vào thế khó. Trong một số nghiên cứu quan trọng vào năm 2021, các nhà nghiên cứu kết luận rằng, giáo viên đang bị dồn ép buộc phải áp dụng công nghệ mới mà không có bất cứ “nguồn lực và thiết bị cần thiết để sử dụng cho mục đích sư phạm.” Do đó, họ phải dành hơn 20 giờ một tuần để điều chỉnh các bài học sao cho việc giảng dạy trực tuyến được trôi chảy. Chính vì thế, giáo viên dường như đang trải qua sự xói mòn chưa từng có về ranh giới giữa công việc và cuộc sống gia đình, dẫn đến tâm lý “luôn bồn bật” không bền vững. Khi mọi thứ dường như chẳng thể tệ hơn được nữa, khi tất cả đèn báo động đều nhấp nháy ánh đỏ, chính phủ liên bang lại bắt đầu có kế hoạch tiến hành lại các bài kiểm tra tiêu chuẩn.

Thay đổi chưa bao giờ là dễ. Nhiều “bệnh lý” thậm chí vốn đã tồn tại rất lâu trong hệ thống giáo dục trước cả đại dịch. Nhưng ta luôn có thể bắt đầu bằng việc tạo ra các chính sách trường học nghiêm ngặt tách biệt được công việc với nghỉ ngơi, loại bỏ việc áp dụng các công cụ hiện đại mà không có sự hỗ trợ thích hợp, tiến hành các cuộc khảo sát thường xuyên để đánh giá trình trạng của giáo viên và trên hết là lắng nghe những tâm sự nhà giáo để có thể xác định và đối mặt với những vấn đề mới xuất hiện.

15 Chi tiết nghiên cứu: https://www.rand.org/content/dam/rand/pubs/research_reports/RRA1100/RRA1108-1/RAND_RRA1108-1.pdf



Ban Biên tập Lộn xộn

Hoàng Anh Đức

Nguyễn Linh Chi

Vũ Như | UberMath

Ngô Thị Thanh Tùng | VNIES

LISA | Cùng học

Nguyễn Minh Trang | EdLab Asia

Vũ Nguyễn Quang Duy | Cùng học

Logo | Hà Dũng Hiệp

Chế bản | Quách Anh

Liên hệ: bientap@day-hoc.org



CONSORTIUM for
NEW EDUCATION

Đã học & làm

“Học để Dạy,
và Dạy để Học”